

**SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CHẤP THUẬN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN  
CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC  
QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG  
KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.**

# **BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM**



*(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0500555916, chuyển từ ĐKKD số 0303000640 do Sở Kế  
hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 13/02/2007 và đăng ký thay đổi lần 6 ngày  
25/05/2010)*

**ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU  
TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**  
*(Đăng ký giao dịch số: ...../ĐKGD do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội  
cấp ngày ... tháng... năm.....)*

**Bản công bố thông tin này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:**

**1. Trụ sở Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam**

Khu công nghiệp Công nghệ cao, khu Công nghệ cao Hoà Lạc, xã Thạch Hoà, huyện  
Thạch Thất, thành phố Hà Nội

: (84.4) 33688306

Fax: (84.4) 33688305

**2. Trụ sở Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt**

Tầng 5, 152 Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

: (84.4) 3728 0921

Fax: (84.4) 3728 0920

**Phụ trách công bố thông tin:**

Họ tên: **Trần Thị Đức Hạnh**

Chức vụ: **Kế toán trưởng**

Số điện thoại: (84.4) 33601860

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM**

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0500555916, chuyển từ số ĐKKD 0303000640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 13/02/2007 và đăng ký thay đổi lần 6 ngày 25/05/2010)

**ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU**  
**TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

|                                        |                                                |
|----------------------------------------|------------------------------------------------|
| <b>Tên cổ phiếu</b>                    | : Cổ phiếu Công ty cổ phần Chế tác đá Việt Nam |
| <b>Loại cổ phiếu</b>                   | : Cổ phiếu phổ thông                           |
| <b>Mệnh giá</b>                        | : 10.000 đồng                                  |
| <b>Tổng số lượng đăng ký giao dịch</b> | : 4.000.000 cổ phiếu                           |
| <b>Tổng giá trị đăng ký giao dịch</b>  | : 40.000.000.000 đồng (Bốn mươi tỷ đồng chẵn)  |

**TỔ CHỨC TƯ VẤN****❖ Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt**

Địa chỉ : Tầng 5, tòa nhà HIPT, 152 Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Hà Nội

Điện thoại : (084.4) 3728 0921

Fax : (084.4) 3728 0920

Website : [www.tvsi.com.vn](http://www.tvsi.com.vn)

Email : [info@tvsi.com.vn](mailto:info@tvsi.com.vn)

**TỔ CHỨC KIỂM TOÁN****❖ Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tại Hà Nội**

Địa chỉ : 40 đường Giảng Võ, quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : (084.4) 37367879

Fax : (084.4) 27367869

Website : [www.auditconsult.com.vn](http://www.auditconsult.com.vn)



## MỤC LỤC

|                                                                                                                                                                                 |          |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| <b>I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH .....</b>                                                                                                 | <b>5</b> |
| 1. Rủi ro về kinh tế .....                                                                                                                                                      | 5        |
| 2. Rủi ro về luật pháp .....                                                                                                                                                    | 6        |
| 3. Rủi ro đặc thù .....                                                                                                                                                         | 6        |
| 4. Rủi ro khác .....                                                                                                                                                            | 7        |
| <b>II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN .....</b>                                                                                      | <b>7</b> |
| 1. Tổ chức đăng ký giao dịch: Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam .....                                                                                                         | 7        |
| 2. Tổ chức Tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng Khoán Tân Việt .....                                                                                                                   | 7        |
| <b>III. CÁC TỪ VIẾT TẮT .....</b>                                                                                                                                               | <b>7</b> |
| <b>IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH .....</b>                                                                                                            | <b>8</b> |
| 1. Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký giao dịch .....                                                                                                                          | 8        |
| 2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển .....                                                                                                                             | 9        |
| 3. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty .....                                                                                                                           | 10       |
| 4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty và Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ .....                                                    | 13       |
| 5. Cơ cấu cổ đông .....                                                                                                                                                         | 14       |
| 6. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký giao dịch, những công ty mà tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối ..... | 14       |
| 7. Hoạt động kinh doanh .....                                                                                                                                                   | 14       |
| 8. Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh qua các năm 2009, 2010 và chín tháng đầu năm 2011 .....                                                                        | 17       |
| 9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành .....                                                                                                       | 20       |
| 10. Chính sách đối với người lao động .....                                                                                                                                     | 21       |
| 11. Chính sách cổ tức .....                                                                                                                                                     | 22       |
| 12. Tình hình tài chính .....                                                                                                                                                   | 23       |
| 13. Danh sách Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng ..                                                                                                 | 26       |
| 14. Tình hình tài sản cố định của Công ty tại ngày 30/09/2011 .....                                                                                                             | 41       |
| 15. Đất đai, nhà xưởng .....                                                                                                                                                    | 41       |
| 16. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2011 .....                                                                                                            | 41       |



|                                                                                        |           |
|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký giao dịch..... | 45        |
| 18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty.....                 | 45        |
| <b>V. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH .....</b>                                          | <b>45</b> |
| 1. Loại chứng khoán .....                                                              | 45        |
| 2. Mệnh giá .....                                                                      | 45        |
| 3. Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch .....                                         | 45        |
| 4. Phương pháp tính giá.....                                                           | 45        |
| 5. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài .....                            | 46        |
| 6. Các loại thuế có liên quan .....                                                    | 47        |
| <b>VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH .....</b>                      | <b>47</b> |
| 1. Tổ chức tư vấn .....                                                                | 47        |
| 2. Tổ chức kiểm toán .....                                                             | 47        |
| <b>VII. PHỤ LỤC.....</b>                                                               | <b>47</b> |

## I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

### 1. Rủi ro về kinh tế

Kinh tế Việt Nam năm 2011 chịu tác động từ cả các yếu tố trong và ngoài nước. Ở trong nước, lạm phát và lãi suất duy trì ở mức rất cao khiến Chính phủ phải dùng nhiều biện pháp nhằm ổn định kinh tế vĩ mô. Trong khi đó, những tác động tiêu cực từ khủng hoảng nợ công ở châu Âu và tình trạng lạm phát gia tăng mạnh mẽ ở các nước châu Á đã khiến tình hình kinh tế trong nước càng khó khăn hơn

**Đà phục hồi tăng trưởng kinh tế nước ta có dấu hiệu chứng lại.** Do chịu sự tác động trực tiếp từ cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, năm 2008 tốc độ tăng trưởng kinh tế của nước ta đạt 6,23%. Bước sang năm 2009, nền kinh tế nước ta lại tiếp tục gặp khó khăn do ảnh hưởng của nền kinh tế toàn cầu. GDP năm 2009 tuy chỉ tăng 5,32% nhưng đã vượt kế hoạch đề ra. Hơn nữa, GDP năm 2010 tăng 6,78% so với cùng kỳ năm trước chứng tỏ nền kinh tế Việt Nam đang phục hồi.

Mặt khác, theo dự báo của World Bank, kinh tế Việt Nam năm 2011 sẽ tăng ở mức 6,3% thấp hơn mức 6,78% của năm 2010. Sự sụt giảm này chủ yếu là do chính sách thắt chặt tiền tệ và chống lạm phát theo Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 24/02/2011 của Chính phủ. Chính phủ chuyển từ mục tiêu tăng trưởng kinh tế sang mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô và kiềm chế lạm phát. Tuy vậy, năm 2011 GDP của nước ta vẫn tăng cao và hợp lý qua các quý, quý sau cao hơn quý trước. GDP 9 tháng đầu năm 2011 tăng 5,76% so với cùng kỳ năm 2010. Đây cũng là tín hiệu tích cực để phấn đấu cả năm GDP đạt 6% như mục tiêu của Chính phủ đề ra.

Nền kinh tế tăng trưởng hoặc giảm sút trực tiếp ảnh hưởng đến sự phát triển của thị trường xây dựng. Sự phát triển kinh tế luôn đi cùng với sự gia tăng các khoản đầu tư vào xây dựng hạ tầng cơ sở và xây dựng dân dụng. Ngược lại nếu nền kinh tế suy thoái, tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm, nguồn thu nhập của nền kinh tế giảm, dẫn tới nhu cầu về xây dựng hạ tầng và xây dựng dân dụng cũng giảm theo. Là doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong ngành vật liệu xây dựng, những diễn biến của nền kinh tế vĩ mô sẽ có ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả và hiệu quả kinh doanh của Công ty.

**Lạm phát duy trì ở mức cao, lãi suất cao đang có dấu hiệu giảm trong những tháng cuối năm.**

2010.

9/2011 có dấu hiệu ổn định hơn. Chỉ số CPI chín tháng đầu năm của cả nước chỉ tăng 0,82%, đây là mức tăng thấp nhất kể từ mức tăng kỷ lục trong tháng 4 (3,32%).

Lạm phát ở Việt Nam chủ yếu xuất phát từ 2 nguyên nhân chính, đó là cầu kéo và chi phí đẩy. Về phía cầu, chính sách mở rộng cung tiền tệ và mở rộng ngân sách quá mức đã làm



cho tổng cầu tăng cao gây nên lạm phát ở Việt Nam. Về chi phí đây, giá cả hàng hóa về cơ bản tăng cao trên thị trường thế giới và sự điều chỉnh giá các mặt hàng quan trọng ở Việt Nam như giá xăng, điện... đã làm chi phí đầu vào của hoạt động sản xuất tăng góp phần góp phần gia tăng lạm phát.

Lạm phát tăng cao kết hợp với chính sách tiền tệ thắt chặt để chống lạm phát của Chính phủ đã làm lãi suất trên thị trường duy trì ở mức cao trong suốt một thời gian dài. Từ tháng 2 năm 2011, lãi suất tiết kiệm của các ngân hàng thương mại mặc dù được niêm yết ở mức 14% nhưng thực tế theo thông tin báo chí cho biết có thể lên đến mức rất cao là 18%. Trong đó, lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại luôn duy trì ở mức trên 20% đã gây ra nhiều khó khăn cho hoạt động vốn của doanh nghiệp. Trước Chỉ thị 02/CT-NHNN ngày 07/09/2011 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước về chế tài nghiêm ngân hàng vượt trần lãi suất huy động, lãi suất cho vay đã có dấu hiệu giảm nhưng vẫn duy trì ở mức 17-19%. Dự báo lãi suất sẽ tiếp tục giảm trong 3 tháng cuối năm 2011.

Hiện tại Công ty Chế tác đá Việt Nam, trong quá trình đầu tư phát triển có phát sinh những khoản vay ngân hàng. Do đó, sự biến động của lãi suất sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Công ty

## **2. Rủi ro về luật pháp**

Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam là công ty hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán... bất cứ sự thay đổi nào về pháp luật và môi trường pháp lý đều có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong những năm qua, Việt Nam đã cố gắng xây dựng và đã hình thành nên một môi trường pháp lý được đánh giá là khá cởi mở. Tuy nhiên, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam chưa thực sự hoàn chỉnh, ổn định và chặt chẽ sẽ có ít nhiều tác động không tích cực đến hiệu quả hoạt động của Công ty.

## **3. Rủi ro đặc thù**

*Rủi ro về tỷ giá hối đoái:* Trong quá trình đầu tư xây dựng cơ bản, Công ty có phát sinh khoản vay dài hạn với Ngân hàng bằng ngoại tệ (USD). Chính vì vậy khi tỷ giá biến động sẽ ảnh hưởng đến chi phí tài chính của Công ty.

*Rủi ro về nhân sự:* Nguồn nhân sự rất quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam. Công ty hoạt động trong lĩnh vực chế tác đá do đó đội ngũ nhân sự phải có chất lượng, tay nghề thuần thục. Nếu nhân sự liên tục thay đổi sẽ ảnh hưởng tới kế hoạch sản xuất và kết quả kinh doanh của Công ty.

*Rủi ro về cạnh tranh:* Sản phẩm của Công ty đang trong giai đoạn thâm nhập vào thị trường, chưa được nhiều người tiêu dùng biết đến rộng rãi. Sản phẩm cạnh tranh chủ yếu hiện nay vẫn là dòng đá Granit và Marble. Các công ty phân phối sản phẩm này ra đời và hoạt động từ rất sớm, hiện nay dòng sản phẩm này rất được người tiêu dùng ưa chuộng. Sản phẩm của Công ty được chế tác từ đá nhân tạo, đây là dòng sản phẩm mới và cao cấp,



giá thành cao gấp hai đến ba lần so với các sản phẩm cùng loại sản xuất bằng đá tự nhiên, đá Trung Quốc. Ngoài ra hiện nay trên thị trường Việt nam xuất hiện thêm rất nhiều các sản phẩm khác cùng loại như: Solid Surfaces, đá nhân tạo nhập từ Trung Quốc và các loại vật liệu composite khác nên Công ty phải đối mặt với giá thành thấp hơn.

#### **4. Rủi ro khác**

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa là những rủi ro bất khả kháng và khó dự đoán, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại nhất định cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung Công ty cũng như các doanh nghiệp khác.

## **II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

### **1. Tổ chức đăng ký giao dịch: Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam**

- |                        |                                      |
|------------------------|--------------------------------------|
| ▪ Ông Phạm Trí Dũng    | Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc |
| ▪ Ông Lương Xuân Mẫn   | Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát        |
| ▪ Bà Trần Thị Đức Hạnh | Chức vụ: Kế toán trưởng              |

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

### **2. Tổ chức Tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng Khoán Tân Việt**

Đại diện theo pháp luật : Ông Nguyễn Việt Cường

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ đăng ký giao dịch do Công ty Cổ phần Chứng Khoán Tân Việt tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam cung cấp.

## **III. CÁC TỪ VIẾT TẮT**

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản công bố thông tin này có nội dung như sau:

|                           |   |                                                      |
|---------------------------|---|------------------------------------------------------|
| Công ty                   | : | Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam                  |
| Tổ chức đăng ký giao dịch | : | Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam                  |
| STONE VIETNAM             | : | Tên viết tắt của Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam |
| TVSI                      | : | Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt                 |
| ĐHĐCĐ                     | : | Đại hội đồng cổ đông                                 |
| HĐQT                      | : | Hội đồng quản trị                                    |
| BKS                       | : | Ban kiểm soát                                        |



UBCKNN : Ủy ban chứng khoán nhà nước  
BCTC : Báo cáo tài chính

Những từ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp năm 2005, Luật Chứng khoán năm 2010 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

#### IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

##### 1. Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký giao dịch

Tên Công ty : Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam  
Tên tiếng Anh : Viet Nam Stone Work - Top Fabrication Joint Stock Company  
Trụ sở chính : Khu công nghiệp Công nghệ cao, Khu Công nghệ cao Hoà Lạc, xã Thạch Hoà, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội  
Điện thoại : 04 – 33601860  
Fax : 04 – 33688305  
Web site : [www.stonevietnam.vn](http://www.stonevietnam.vn)  
Giấy CNĐKKD : số 0500555916 chuyển từ ĐKKD số 0303000640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 13/02/2007 và đăng ký thay đổi lần 6 ngày 25/05/2010  
Vốn điều lệ : **40.000.000.000 đồng**  
Ngành nghề kinh doanh chính :

- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng;
- Sản xuất, mua bán sơn, khoá, bản lề, cửa, đồ sành sứ, thuỷ tinh, pha lê, thiết bị vệ sinh, hàng cơ khí;
- Sản xuất, gia công, mua bán phôi thép, thép các loại;
- Sản xuất mua bán các sản phẩm trang trí nội, ngoại thất;
- Sản xuất, chế biến, mua bán gỗ và đồ gỗ (trừ loại gỗ nhà nước cấm);
- Sản xuất, mua bán vật tư, máy móc thiết bị phục vụ nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật và thuốc thú y);
- Sản xuất và mua bán hàng dệt, may mặc, đồ da, hàng thủ công, mỹ nghệ;
- Mua bán vật tư, máy móc thiết bị ngành cơ khí xây dựng; mua bán vật tư máy móc thiết bị ngành dệt, may mặc, đồ da.





- Mua bán, sửa chữa thiết bị, linh kiện, phương tiện giao thông vận tải;
- Mua bán rượu, bia, thuốc lá, đồ mỹ nghệ, đồ giải khát, đồ gia dụng, điện, điện tử, điện lạnh;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, khu vui chơi giải trí: cầu lông, bóng bàn, bi-a, tennis (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Chuyển giao công nghệ;
- Khai thác chế biến các loại khoáng sản;
- Dịch vụ vận tải hàng hoá;
- Đầu tư phát triển nhà ở, khu đô thị mới, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp; kinh doanh bất động sản.

## 2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Ngày 13/02/2007, Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam chính thức đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh lần đầu số 0303000640 được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp với vốn điều lệ ban đầu là 20 tỷ đồng.

Ngày 21/06/2007, Công ty được Ủy Ban chứng khoán nhà nước chấp thuận, chính thức trở thành Công ty đại chúng.

Ngày 05/04/2010, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 85/2010/GCNCP-VSD và cấp mã chứng khoán là STV.

- ✓ **Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty:** Từ khi thành lập cho đến nay Công ty đã có 2 lần tăng vốn, cụ thể:

***Lần 1: Tăng vốn điều lệ từ 20 tỷ đồng lên 30 tỷ đồng trong năm 2008 bằng hình thức phát hành riêng lẻ***

Cơ sở pháp lý:

- Nghị quyết số 01/NQ/SVN-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2008 của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2008 Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam thông qua việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho các đối tác chiến lược, tăng vốn điều lệ từ 20 tỷ đồng lên 30 tỷ đồng;
- Công văn số 1466/UBCK -QLPH ngày 17/07/2008 không phản đối việc phát hành 1.000.000 cổ phiếu cho các đối tác chiến lược của Công ty là Công ty Đá ốp lát cao cấp VINACONEX và Công ty Cổ phần Đệ Tam;
- Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ ngày 24/09/2008;



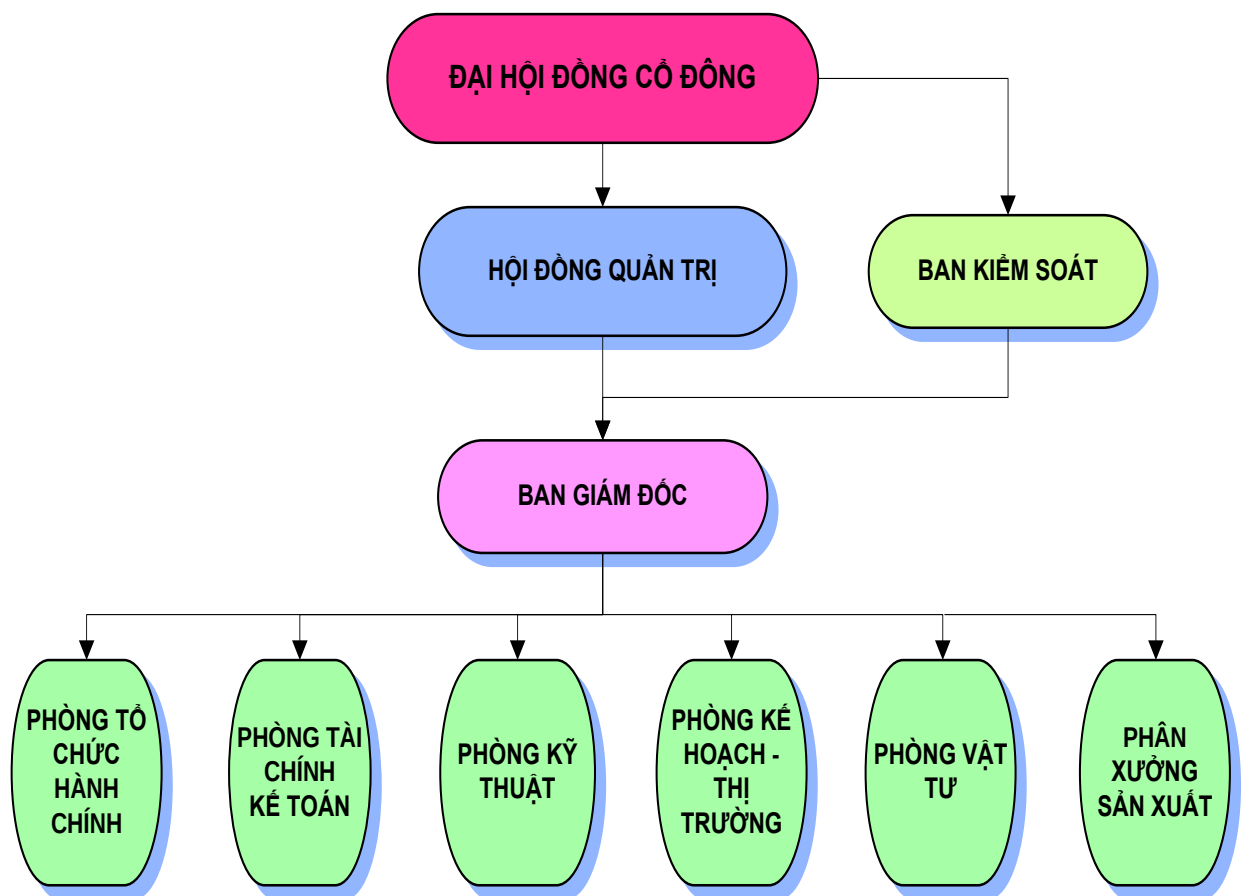
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 23/07/2008, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam 30 tỷ đồng.

***Lần 2: Tăng vốn điều lệ từ 30 tỷ đồng lên 40 tỷ đồng trong năm 2009 bằng hình thức phát hành riêng lẻ***

Cơ sở pháp lý:

- Nghị quyết số 01/2009/NQ/SVN-ĐHĐCĐ ngày 07/05/2009 của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam thông qua việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho các đối tác chiến lược, tăng vốn điều lệ từ 30 tỷ đồng lên 40 tỷ đồng;
- Thông báo của Ủy ban chứng khoán trên website về việc ngày 20/ 09/2009 Ủy ban chứng khoán đã nhận đầy đủ tài liệu báo cáo về việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ của Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam;
- Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ 10/12/2009;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 12/01/2010, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam 40 tỷ đồng.

**3. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty**



### **3.1 Đại hội đồng cổ đông**

ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và là đơn vị có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền quyết định các vấn đề sau:

- Thông qua các Báo cáo tài chính hàng năm;
- Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn với loại cổ phần đó;
- Bầu, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT, BKS và phê chuẩn việc HĐQT bổ nhiệm Giám đốc;
- Bổ sung và sửa đổi điều lệ;
- Quyết định loại và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
- Quyết định chủ trương đầu tư hoặc các giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã phát hành của mỗi loại;
- Các quyền khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

### **3.2 Hội đồng quản trị**

HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Hội đồng quản trị có 5 thành viên, do ĐHĐCĐ bầu hoặc miễn nhiệm. Số lượng thành viên HĐQT có thể thay đổi tùy theo yêu cầu phát triển của Công ty và do ĐHĐCĐ quyết định.

HĐQT có các quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- Quyết định kế hoạch phát triển kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- Đề xuất các loại cổ phần có thể phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
- Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
- Đề xuất mức chia cổ tức hàng năm;
- Giám sát, chỉ đạo Giám đốc trong việc điều hành công việc kinh doanh của Công ty;



- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ công ty.

### **3.3 Ban kiểm soát**

BKS do ĐHĐCĐ bầu ra, gồm 3 thành viên. BKS có nhiệm vụ kiểm soát hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. BKS hoạt động độc lập với HĐQT và bộ máy điều hành của Ban Giám đốc. BKS có quyền và trách nhiệm như sau:

- Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi hoạt động liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập;
- Kiểm tra BCTC hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình HĐQT;
- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;
- Các trách nhiệm khác theo quy định của Điều lệ công ty.

### **3.4 Ban Giám Đốc**

Ban Giám Đốc Công ty gồm Giám Đốc, Phó Giám Đốc do HĐQT bổ nhiệm và bãi nhiệm. Các thành viên Ban Giám Đốc có thể đồng thời là thành viên HĐQT và được HĐQT bầu, bổ nhiệm hoặc bãi miễn.

Giám đốc có quyền hạn và trách nhiệm sau:

- Thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư của Công ty đã được ĐHĐCĐ, HĐQT thông qua;
- Quyết định các vấn đề không cần nghị quyết của HĐQT bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- Chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo lên các cơ quan này khi được yêu cầu;
- Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ công ty và các quy chế của công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động của Giám đốc và pháp luật.

Các Phó Giám đốc được Giám đốc phân công, ủy nhiệm quản lý và điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty. Phó Giám đốc chịu trách nhiệm trước Giám đốc và liên đới trách nhiệm với Giám đốc trước HĐQT trong phạm vi được phân công ủy nhiệm.

**4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty và Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ**

**4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty (tính đến ngày 30/09/2011)**

| STT         | Tên cổ đông                                 | Số ĐKKD/CMT                                                                                      | Địa chỉ                                                                               | Số cổ phần       | Tỷ lệ (%)    |
|-------------|---------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--------------|
| 1           | Công ty Cổ phần Đá ốp lát cao cấp Vinaconex | Số 0303000293 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/06/2005                 | Khu Công nghệ công nghệ cao, Khu Công nghệ cao Hoà Lạc, Thạch Hoà, Thạch Thất, Hà Nội | 2.040.000        | 51,00        |
| 2           | Công ty Cổ phần Style Stone                 | Số 01203200245 do Ban quản lý các Khu công nghiệp và Chế xuất Hà Nội cấp lần đầu ngày 17/10/2007 | Khu Công nghệ công nghệ cao, Khu Công nghệ cao Hoà Lạc, Thạch Hoà, Thạch Thất, Hà Nội | 490.000          | 12,25        |
| 3           | Ông Phạm Minh Hùng                          | CMT ố 012016143 cấp ngày 05/03/2004 tại Hà Nội                                                   | Tổ 15, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Hà Nội                                          | 200.000          | 5,00         |
| <b>Tổng</b> |                                             |                                                                                                  |                                                                                       | <b>2.730.000</b> | <b>68,25</b> |

(Nguồn: Sổ cổ đông Công ty CP Chế tác đá Việt Nam ngày 30/09/2011)

**4.2 Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ**

| STT         | Tên cổ đông                            | Số ĐKKD/CMT                                                                      | Địa chỉ                                                                                 | Số CP            | Tỷ lệ (%)    |
|-------------|----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--------------|
| 1           | Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex | Số 0303000293 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/06/2005 | Khu Công nghiệp công nghệ cao, Khu Công nghệ cao Hoà Lạc, Thạch Hoà, Thạch Thất, Hà Nội | 2.040.000        | 51,00        |
| 2           | Phạm Minh Hùng                         | Số CMT 012016143 cấp ngày 05/03/2004 tại Hà Nội                                  | Tổ 15, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Hà Nội                                            | 200.000          | 5,00         |
| 3           | Phạm Trí Dũng                          | Số CMT 161914249 cấp ngày 14/6/2007 tại Nam Định                                 | Xã Hải Lý, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định                                                 | 8.100            | 0,20         |
| <b>Tổng</b> |                                        |                                                                                  |                                                                                         | <b>2.248.100</b> | <b>56,20</b> |

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 06 ngày 25/05/2010)

## 5. Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông của Công ty CP Chế tác đá Việt Nam tính đến ngày 30/09/2011 như sau:

| TT          | Cổ đông            | Số lượng cổ phần | Giá trị (VND)         | Tỷ lệ (%)    |
|-------------|--------------------|------------------|-----------------------|--------------|
| 1           | Cổ đông trong nước | 4.000.000        | 40.000.000.000        | 100,0        |
|             | - Tổ chức          | 2.530.000        | 25.300.000.000        | 63,25        |
|             | - Cá nhân          | 1.470.000        | 14.700.000.000        | 36,75        |
| 2           | Cổ đông nước ngoài | 0                | 0                     | 0            |
| <b>Tổng</b> |                    | <b>4.000.000</b> | <b>40.000.000.000</b> | <b>100,0</b> |

(Nguồn: Sổ cổ đông Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam ngày 30/09/2011)

## 6. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký giao dịch, những công ty mà tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

✓ Công ty mẹ:

| STT | Tên công ty                            | Số ĐKKD                                                                           | Địa chỉ                                                                                 | Số CP     | Tỷ lệ (%) |
|-----|----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|
| 1   | Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex | 0303000293 cấp lần đầu ngày 02/06/2005 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp | Khu Công nghiệp công nghệ cao, Khu Công nghệ cao Hoà Lạc, Thạch Hoà, Thạch Thất, Hà Nội | 2.040.000 | 51,00     |

✓ Công ty con: không có

## 7. Hoạt động kinh doanh

### 7.1 Lĩnh vực hoạt động và sản phẩm dịch vụ chính

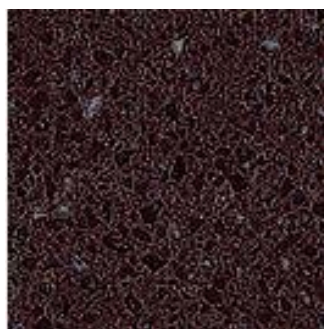
Công ty được thành lập từ tháng 2/2007 và đến Quý IV năm 2008 Công ty đã hoàn thành giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản cũng như góp đủ vốn điều lệ để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Năm 2008 là năm đầu tiên Công ty vận hành sản xuất thử. Năm 2009 cơ sở vật chất đã được đầu tư tương đối đầy đủ, bộ máy quản lý đã được cơ cấu lại cho phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh hiện tại, đội ngũ kỹ sư, cử nhân được đào tạo và đào tạo nâng cao, tuyển dụng, trình độ tay nghề của công nhân ngày một thành thạo, nâng cao năng suất chất lượng và cải tiến kỹ thuật.

Sản phẩm của Công ty là các sản phẩm được chế tác từ đá ốp lát nhân tạo cao cấp của Công ty Vicostone, chế tác đến giai đoạn cuối cùng để trang trí nội thất, phục vụ cho các dự án chung cư cao cấp, toà nhà cao tầng, ... Ngoài ra Công ty thực hiện gia công chế tác đá cho công ty mẹ - Công ty Vicostone.



Công ty hiện đã triển khai lắp đặt phòng mẫu tại một số dự án như City Garden tại TP Hồ Chí Minh, Indochina Palaza tại Hà Nội, cung cấp đá lát sàn, mặt bàn quầy bar, lavabo, mặt bàn bếp tại các công trình như: Khách sạn Hoàn Kiếm, Siêu thị Đệ Nhất Phan Khang, Đại sứ quán Singapore... Công ty đang xây dựng hệ thống đại lý tại Hà Nội và chuẩn bị triển khai tại một số thành phố lớn trong cả nước để đẩy mạnh hoạt động bán hàng.

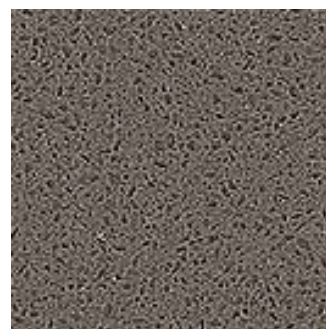
***Hình ảnh một số sản phẩm tiêu biểu của Công ty***



**BQ900**



**BS300**



**BQ307**



**BQ9260**



**BC113**



**BQ307**



**MẶT BÀN TẮM – BQ2101**





**MẶT BÀN BẾP – BS120**



**MẶT LAVABO BQ2101**

## 7.2 Kế hoạch phát triển kinh doanh

Định hướng phát triển kinh doanh năm 2012 và các năm tiếp theo của Công ty như sau:

**Công ty xây dựng các mục tiêu chủ yếu như:**

- Tạo thị trường ổn định cho sản phẩm đầu ra.
- Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông; đảm bảo quyền lợi của Công ty, cổ đông và quyền lợi của người lao động.
- Đảm bảo phát triển doanh nghiệp và môi trường bền vững.

**Để đạt được mục tiêu đề ra, Công ty đã xây dựng chiến lược phát triển trung và dài hạn như sau:**

- Đẩy mạnh xuất khẩu qua công ty mẹ, phát triển nhanh thị trường trong nước chủ yếu vào các lĩnh vực: các dự án chung cư cao cấp, trung tâm thương mại, khách sạn, các

khu biệt thự, các trung tâm vui chơi, giải trí... Mở rộng hệ thống phân phối thông qua đại lý tại các khu vực Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng.

- Xây dựng thương hiệu STONE VIETNAM trở thành thương hiệu hàng đầu ở Việt Nam về lĩnh vực chế tác các sản phẩm từ đá nhân tạo cao cấp.
- Mở rộng các ngành nghề kinh doanh khác trong điều kiện cho phép phù hợp với chiến lược phát triển dài hạn của Công ty.
- Tiêu thụ khoảng 20% công suất sản xuất của Công ty Vicostone và Công ty Style Stone.

## **8. Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh qua các năm 2009, 2010 và chín tháng đầu năm 2011**

### **8.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty giai đoạn 2009-2010 và 9 tháng đầu năm 2011**

#### **❖ Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2009, 2010 và 9 tháng đầu năm 2011**

*Đơn vị tính: đồng*

| TT | Chỉ tiêu                                   | Năm 2009       | Năm 2010       | % tăng giảm | 9 tháng đầu năm 2011 |
|----|--------------------------------------------|----------------|----------------|-------------|----------------------|
| 1  | Tổng giá trị tài sản                       | 43.059.547.453 | 52.545.681.497 | 22,03       | 49.205.268.972       |
| 2  | Doanh thu thuần                            | 9.746.456.057  | 29.442.017.229 | 202,08      | 18.942.494.226       |
| 3  | Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh | -60.713.071    | 5.582.461.666  | -           | 2.926.970.111        |
| 4  | Lợi nhuận khác                             | 60.713.071     | 767.519.286    | 1164,17     | -22.382.786          |
| 5  | Lợi nhuận trước thuế                       | 0              | 6.349.980.952  | -           | 2.904.587.325        |
| 6  | Lợi nhuận sau thuế                         | -19.927.726    | 5.615.490.740  | -           | 2.610.863.593        |
| 7  | Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức                 | 0              | 71,23%         |             |                      |

*(Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2010 và BCTC quý 3/2011)*

Quý IV/2008, Công ty hoàn thành quá trình đầu tư xây dựng cơ bản và bắt đầu phát sinh doanh thu. Năm 2009 hoạt động sản xuất của Công ty đã đi vào ổn định hơn, tuy nhiên doanh thu chưa cao là do hoạt động bán hàng chưa được phát triển, sản phẩm của Công ty chưa được nhiều người tiêu dùng biết đến, giá thành sản phẩm cao, khó cạnh tranh hơn so với các sản phẩm cùng loại trên thị trường. Bên cạnh đó năm 2009 là năm Công ty kiện toàn lại bộ máy quản lý, đào tạo, tuyển dụng những cán bộ quản lý giỏi, công nhân có tay nghề cao do vậy chi phí quản lý năm 2009 tăng gần gấp 3,6 lần so với năm 2008. Chính vì vậy hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2009 của Công ty không có lợi nhuận. Bên cạnh đó, năm 2009 Công ty thực hiện điều chỉnh số thuế TNDN phải nộp năm 2008 sau khi quyết toán thuế (theo kết luận của Chi cục thuế huyện Thạch Thất) vào chi phí thuế TNDN hiện hành dẫn đến lợi nhuận sau thuế năm 2009 của Công ty âm 19,9 tỷ đồng.

Năm 2010 là năm thứ 3 kể từ khi công ty đi vào hoạt động. Cùng với sự đầu tư có chọn lọc,



Công ty hoàn thành cơ bản công tác kiện toàn bộ máy quản lý: cơ cấu phù hợp, đội ngũ kỹ sư, cử nhân được tuyển dụng, đào tạo và đào tạo nâng cao, trình độ tay nghề của công nhân ngày một thành thạo, nâng cao chất lượng và cải tiến kỹ thuật. Sản phẩm của Công ty đã được nhiều doanh nghiệp và người tiêu dùng biết đến.

Về phát triển thị trường sản phẩm: Ngoài việc đẩy mạnh thị trường xuất khẩu, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo cần tập trung nhiều hơn nữa cho việc bán hàng trong nước thông qua hệ thống phân phối các Đại lý tại các thành phố lớn, quan tâm đặc biệt đến phân khúc thị trường là các dự án xây dựng trung và cao cấp.

Trong năm Công ty cũng đã hoàn thành dự án Nhà xưởng số 2 đồng thời trang bị thêm một số thiết bị làm việc tại các phòng ban-phân xưởng để phục vụ cho kế hoạch mở rộng sản xuất kinh doanh năm 2011 và các năm tiếp theo. Nhờ vào các thay đổi trong năm 2010, Công ty đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ: Tổng doanh thu thuần năm 2010 của Công ty đạt 29,44 tỷ đồng (tăng 202,08% so với năm 2009), trong đó: doanh thu bán hàng trong nước là 20,16 tỷ đồng chiếm 68,48% trên tổng doanh thu thuần, doanh thu xuất khẩu gián tiếp qua Vicostone là 9,28 tỷ đồng chiếm 31,52% trên tổng doanh thu thuần dẫn đến lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh tăng đột biến so với năm 2009 lên đến 5,58 tỷ đồng. Bên cạnh đó, Công ty có nguồn thu nhập khác từ việc cho thuê TSCĐ (956,5 triệu đồng) và bán nệm gỗ, thanh gỗ (21,2 triệu đồng) góp phần gia tăng lợi nhuận trước thuế năm 2010 (đạt 6,35 tỷ đồng bằng 70,2% kế hoạch đã đề ra trong năm 2010).

Chín tháng đầu năm 2011, doanh thu thuần của Công ty là 18,94 tỷ đồng đạt 33,4% kế hoạch năm 2011.

Báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán của Công ty, Kiểm toán viên đã lưu ý người đọc đến thuyết minh số IV.12 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính về chính sách kế toán liên quan đến xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ. Việc áp dụng chính sách kế toán này làm cho khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của tiền, các khoản nợ ngắn hạn là (36.752.651) VND được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) thay vì kết chuyển vào chi phí nếu áp dụng theo chuẩn mực kế toán số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”

Giải thích của Công ty về ý kiến trên như sau: Hiện tại, có hai văn bản quy định về việc xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ là thông tư 201/2009/TT-BTC và chuẩn mực kế toán số 10- Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái. Theo thông tư 201/2009/TT-BTC, xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ cuối năm được phản ánh vào chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái trên bảng cân đối kế toán thay vì kết chuyển vào chi phí áp dụng chuẩn mực số 10. Công ty áp dụng hướng dẫn của thông tư 201/2009/TT-BTC trong việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ thống nhất trong năm 2009, năm 2010. Ý kiến của kiểm toán trong Báo cáo kiểm toán năm 2010 là đề cập đến khả năng thay đổi các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính nếu công ty áp dụng chuẩn mực số 10 thay cho thông tư 201/2009/TT-BTC

❖ **Cơ cấu chi phí hoạt động SXKD qua các năm, tỷ trọng trên tổng doanh thu**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| TT | Chỉ tiêu                     | Năm 2009        |                  | Năm 2010         |                  | 9 tháng đầu năm 2011 |                  |
|----|------------------------------|-----------------|------------------|------------------|------------------|----------------------|------------------|
|    |                              | Giá trị         | % tổng doanh thu | Giá trị          | % tổng doanh thu | Giá trị              | % tổng doanh thu |
| 1  | Tổng doanh thu               | <b>9.911,82</b> |                  | <b>30.748,50</b> |                  | <b>18.966,03</b>     |                  |
| 2  | Giá vốn hàng bán             | 6.758,73        | 68,19%           | 19.494,44        | 63,40%           | 11.796,72            | 62,20%           |
| 3  | Chi phí bán hàng             | 283,99          | 2,87%            | 921,17           | 3,00%            | 783,90               | 4,13%            |
| 4  | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 2.536,15        | 25,59%           | 3.360,81         | 10,93%           | 3.183,24             | 16,78%           |
| 5  | Chi phí tài chính            | 321,08          | 3,24%            | 411,89           | 1,34%            | 275,18               | 1,45%            |
| 6  | Chi phí khác                 | 11,88           | 0,12%            | 210,20           | 0,68%            | 22,40                | 0,12%            |
|    | <b>Tổng chi phí</b>          | <b>9.911,82</b> | <b>100,00%</b>   | <b>24.398,52</b> | <b>79,35%</b>    | <b>16.061,44</b>     | <b>84,69%</b>    |

*(Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2010 và Báo cáo tài chính Quý 3/2011)*

**8.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty**

✓ **Khó khăn, hạn chế**

Là doanh nghiệp mới được thành lập nên bước đầu Công ty cũng gặp không ít khó khăn, trở ngại

- Công tác phát triển thị trường đang trong quá tình khởi nghiệp, sản phẩm của Công ty chưa được quảng bá rộng rãi trên thị trường nên chưa được nhiều người tiêu dùng biết đến;
- Công tác phát triển các đại lý chưa đạt hiệu quả cao. Hiện tại chỉ một số đại lý kinh doanh mang lại hiệu quả còn lại hầu như chỉ mang tính chất quảng cáo các sản phẩm của Công ty mà chưa có được hiệu quả kinh doanh.
- Sản phẩm của Công ty được chế tác từ nguyên liệu là vật liệu cao cấp của Công ty Vicostone nên giá thành của sản phẩm tương đối cao so với sản phẩm cùng loại được chế tác từ đá tự nhiên, đá Trung Quốc do đó đã ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh về giá của sản phẩm tại thị trường trong nước.
- Công tác thâm nhập vào thị trường là các dự án xây dựng chung cư, toà nhà cao tầng... còn hạn chế.
- Thị trường bất động sản trong giai đoạn hiện tại hết sức trầm lắng, một số dự án, công trình xây dựng bị đình trệ hoặc tạm dừng triển khai do thiếu vốn ảnh hưởng đến sức tiêu thụ sản phẩm của Công ty.
- Công ty chưa mở rộng thị phần trong nước cũng như phát triển sản phẩm ra thị trường quốc tế là do chịu ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng của nền kinh tế toàn cầu năm 2008.
- Các chính sách vĩ mô trong nước được thay đổi để hạn chế lạm phát và sự ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Lãi suất ngân hàng tăng cao, chính sách thắt



chặt tiền tệ, hạn chế nhập khẩu cùng với việc tỷ giá hối đoái biến động làm ảnh hưởng tới tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp.

✓ **Thuận lợi:**

Bên cạnh những khó khăn Công ty cũng có những thuận lợi nhất định như:

- Bộ máy quản lý của Công ty đã từng bước được kiện toàn, nhân sự được sắp xếp lại bằng việc bổ nhiệm các Phó Giám đốc, bổ sung những cán bộ mới trẻ hơn vào các vị trí quản lý chủ chốt, ổn định về nhân sự giúp cho Công ty hoạt động tốt và hiệu quả hơn;
- Sản phẩm của Công ty có một số đặc điểm nổi bật có khả năng cạnh tranh cao với các sản phẩm trên thị trường. Với thành phần cơ bản là đá thạch anh tinh khiết, được sản xuất trên dây chuyền công nghệ độc quyền và tiên tiến nhất của hãng Breton – Italy, sản phẩm Đá nhân tạo gốc Thạch Anh Vicostone có được các tính chất cơ lý gần tương đương như một tinh thể thạch anh thiên nhiên. Màu sắc đa dạng của sản phẩm có được nhờ các loại bột màu tốt nhất, bền màu và an toàn cho người sử dụng. với kích thước tối đa lên tới 3300 x 1600mm, chiều dày nhỏ nhất 7mm và lớn nhất 30mm, sản phẩm Đá nhân tạo gốc Thạch anh Vicostone đáp ứng tất cả các yêu cầu về bề mặt nội thất như mặt bàn bếp, bàn ăn, bàn làm việc, lễ tân, khu vệ sinh, cầu thang, thang máy và tất cả các bề mặt ốp lát trang trí.
- Công ty đã tập trung mọi biện pháp, phát huy tối đa nội lực, tận dụng thời cơ kinh doanh nhằm ổn định sản xuất, tạo đà phát triển cho doanh nghiệp, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm so với các sản phẩm cùng loại trên thị trường vật liệu trong và ngoài nước;

## **9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**

### **9.1 Vị thế của Công ty trong ngành**

Chế tác đá ở nước ta đã ra đời từ rất lâu. Các nghệ nhân từ thời xa xưa đã chế tác ra nhiều sản phẩm từ đá tạo nên nhiều công trình kiến trúc cổ đại. Ngày nay đá ốp lát là sản phẩm được chế tác từ đá tự nhiên và đá nhân tạo, là một trong những vật liệu xây dựng cơ bản dùng để trang trí nội và ngoại thất của những công trình kiến trúc cao cấp và hiện đại.

Hiện nay, lĩnh vực chế tác đá trong nước chỉ có một số công ty sản xuất với quy mô lớn, máy móc thiết bị hiện đại tạo ra được những sản phẩm đạt chất lượng cao cấp, kích thước lớn. Còn lại chủ yếu là các xí nghiệp, các công ty nội thất gia đình với công nghệ sản xuất cũ, thủ công, sản xuất sản phẩm kích thước nhỏ, chất lượng không đồng nhất, thiếu sức cạnh tranh, không đủ tiêu chuẩn xuất khẩu và cung ứng cho các công trình xây dựng cao cấp.

Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam được thành lập từ năm 2007. Là một doanh nghiệp còn non trẻ trong ngành chế tác đá nhưng Công ty có một số những lợi thế nhất định khẳng định vị thế của mình trong ngành. Với quy mô vốn đầu tư khá lớn, Công ty đã xây dựng hệ thống nhà xưởng hiện đại, đầu tư hệ thống máy móc trang thiết bị chế tác đá hiện đại được nhập khẩu từ Italy, Trung Quốc ... là các nước rất phát triển về đá ốp lát, đảm bảo mang đến cho khách hàng sản phẩm tốt, chất lượng cao, mẫu mã đa dạng, phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu. Công ty có đội ngũ công nhân thủ công, đứng máy tay nghề cao,



tự tin đem đến cho khách hàng các sản phẩm cao cấp với đủ loại kích thước, kiểu dáng phù hợp với thị hiếu của khách hàng.

Với năng lực sản xuất cộng với sự nỗ lực không ngừng của toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty, STONE VIET NAM phấn đấu trở thành doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam về chế tác đá ốp lát.

## **9.2 Triển vọng phát triển của ngành**

Việt Nam có nguồn tài nguyên khoáng sản đá ốp lát rất phong phú, đa dạng về chủng loại và màu sắc với trữ lượng rất lớn có thể khai thác và chế biến hàng trăm tỷ m<sup>2</sup> đá ốp lát phục vụ nhu cầu xây dựng trong nước và xuất khẩu.

Trong những năm gần đây tốc độ phát triển xây dựng ở nước ta rất lớn. Các thành phố, các tỉnh, thị xã được đô thị hóa rất nhanh. Nhiều dự án xây dựng các khu đô thị, khu chung cư liên tục được triển khai. Do đó nhu cầu tiêu thụ đá ốp lát ngày càng tăng. Theo số liệu thống kê thì lượng đá ốp lát tiêu thụ nội địa ở nước ta hàng năm tăng từ 25% đến 30% và trong tương lai hứa hẹn sẽ là thị trường tiêu thụ lớn. Kim ngạch xuất khẩu từ 2001 - 2009 liên tục tăng và luôn đứng đầu trong các mặt hàng xuất khẩu vật liệu xây dựng, riêng năm 2010 kim ngạch xuất khẩu đá ốp lát đứng thứ 2 sau gạch gốm xây dựng. Tốc độ tăng trung bình kim ngạch xuất khẩu đá ốp lát của Việt Nam trong giai đoạn 2006 - 2010 đạt 24,9%.

Hơn nữa, hiện nay trên thế giới ngành sản xuất đá ốp lát rất phát triển, thị trường tiêu thụ đá ốp lát ngày càng mở rộng theo khuynh hướng kiến trúc thân thiện với môi trường. Đá ốp lát Việt Nam đã thâm nhập vào thị trường quốc tế, hiện đã có mặt trên thị trường của 85 nước. Đây là thị trường rộng mở cho ngành đá ốp lát Việt Nam phát triển trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

## **9.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới**

Theo định hướng quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng đến năm 2020, đá ốp lát là một trong những vật liệu xây dựng cơ bản được Nhà nước chú trọng phát triển.

Nắm vững định hướng phát triển của Nhà nước, STONE VIET NAM đã đầu tư thiết bị máy móc hiện đại, tự động hoá trong sản xuất, tạo ra các sản phẩm chất lượng cao, kích thước lớn, đa dạng về màu sắc và chủng loại để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước, cạnh tranh với một số sản phẩm đá ốp lát nhập khẩu từ nước ngoài.

Công ty cũng đang đẩy mạnh công tác thị trường, quảng bá sản phẩm để thâm nhập thị trường trong nước ở phân khúc trung và cao cấp. Công ty từng bước phát triển mạng lưới phân phối sản phẩm chế tác gắn liền với lĩnh vực trang trí nội thất và hàng gia dụng liên quan thông qua các đại lý cung cấp nội thất và hàng gia dụng. Công ty cũng tăng cường khảo sát, tiếp cận các dự án bất động sản để giới thiệu và cung cấp sản phẩm.

## **10. Chính sách đối với người lao động**

### **10.1 Cơ cấu lao động**

Tính đến ngày 30/09/2011 tổng số lao động của Công ty Stone Vietnam có 107 người,



trong đó lao động nam là 80 người chiếm 75%, lao động nữ 27 người chiếm 25%. Cơ cấu lao động được phân theo trình độ như sau:

| TT               | Trình độ           | Số lượng   | Tỷ lệ (%)  |
|------------------|--------------------|------------|------------|
| 1                | Đại học            | 24         | 22,4       |
| 2                | Cao đẳng           | 09         | 8,4        |
| 3                | Trung cấp          | 05         | 4,7        |
| 4                | Công nhân kỹ thuật | 61         | 57,0       |
| 5                | Lao động phổ thông | 08         | 7,5        |
| <b>Tổng cộng</b> |                    | <b>107</b> | <b>100</b> |

### **10.2 Chính sách đối với người lao động**

Các chế độ chính sách đối với người lao động luôn luôn được Công ty chú trọng và thực hiện nghiêm túc, thể hiện ở các điểm sau:

- Công ty luôn đảm bảo công việc đều đặn cho toàn thể CBCNV, mức thu nhập bình quân tăng dần theo năm cụ thể:
  - + Năm 2009: 3.065.000 đồng/người/tháng;
  - + Năm 2010: 4.152.000 đồng/người/tháng
  - + Chín tháng đầu năm 2011: 5.164.000 đồng/người/tháng
- Thực hiện nghiêm túc các chế độ làm việc cho CBCNV như: bồi dưỡng làm ca 2, ca 3, chế độ khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV, chế độ trợ cấp ốm đau, thai sản...đảm bảo tuân thủ các chế độ đối với người lao động trong công ty theo đúng quy định của pháp luật về lao động, hợp đồng lao động và thỏa ước lao động tập thể. Công ty thực hiện đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đầy đủ kịp thời cho người lao động.
- Thường xuyên chăm lo, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV trong toàn công ty: tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao, thực hiện nếp sống văn minh lịch sự.
- Thăm hỏi động viên kịp thời CBCNV khi có việc hiếu hỷ, ốm đau, tổ chức quyên góp giúp đỡ CBCNV gặp hoàn cảnh khó khăn ... thể hiện tinh thần “lá lành đùm lá rách”.
- Công tác an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp được đặc biệt quan tâm chú trọng, việc huấn luyện an toàn lao động và trang bị bảo hộ cho người lao động được thực hiện nghiêm túc và đầy đủ.

### **11. Chính sách cổ tức**

Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức trả cho số vốn thực góp sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.



*Tỷ lệ cổ tức được chia qua các năm được thể hiện qua bảng sau:*

| Chỉ tiêu     | Năm 2009 | Năm 2010 | Năm 2011 (dự kiến) |
|--------------|----------|----------|--------------------|
| Tỷ lệ cổ tức | 0        | 10%      | 15%                |

## 12. Tình hình tài chính

### 12.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Công ty hạch toán kế toán theo đúng Luật kế toán hiện hành.

#### ✓ Trích khấu hao TSCĐ

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình và vô hình. TSCĐ được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm:

| Loại tài sản cố định           | Thời gian khấu hao (năm) |
|--------------------------------|--------------------------|
| Nhà cửa vật kiến trúc          | 11                       |
| Máy móc thiết bị               | 08 - 11                  |
| Phương tiện vận tải truyền dẫn | 06 - 08                  |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý      | 03 - 05                  |
| Phần mềm máy vi tính           | 05                       |

#### ✓ Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các khoản nợ phải trả, không có khoản nợ quá hạn trên một năm.

#### ✓ Trích lập các quỹ theo luật định

Theo Điều lệ, Công ty sẽ sử dụng một phần lợi nhuận để trích lập quỹ dự phòng và các quỹ khác mà pháp luật quy định. Tỷ lệ trích lập các quỹ này sẽ do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở đề xuất của HĐQT và tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Số dư các quỹ tại thời điểm 31/12/2010 và 30/09/2011 như sau:

| Đơn vị : Đồng            |            |             |
|--------------------------|------------|-------------|
| Chỉ tiêu                 | 31/12/2010 | 30/09/2011  |
| Quỹ đầu tư phát triển    | 0          | 564.659.794 |
| Quỹ dự phòng tài chính   | 0          | 280.774.537 |
| Quỹ khen thưởng phúc lợi | 0          | 1.877.758   |

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2010 và BCTC Quý 3/2011)

Năm 2010, Công ty không trích lập các quỹ do hoạt động kinh doanh năm 2009 lỗ.

Năm 2011, Công ty đã trích lập các quỹ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2011.

✓ **Các khoản phải thu**

*Đơn vị: Đồng*

| TT               | Nội dung                | 31/12/2009           | 31/12/2010           | 30/09/2011           |
|------------------|-------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| 1                | Phải thu của khách hàng | 1.986.534.536        | 5.778.891.089        | 4.293.165.038        |
| 2                | Trả trước cho người bán | 0                    | 610.853.253          | 158.011.840          |
| 3                | Các khoản phải thu khác | 32.653.862           | 12.419.963           | 22.539.265           |
| <b>Tổng cộng</b> |                         | <b>2.019.188.398</b> | <b>6.402.164.305</b> | <b>4.473.716.143</b> |

*(Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2010 và BCTC Quý 3/2011)*

✓ **Các khoản phải trả**

*Đơn vị: Đồng*

| TT               | Nội dung                                   | 31/12/2009           | 31/12/2010           | 30/09/2011           |
|------------------|--------------------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| <b>I</b>         | <b>Nợ ngắn hạn</b>                         | <b>1.252.211.432</b> | <b>5.652.080.059</b> | <b>3.988.295.048</b> |
| 1                | Vay và nợ ngắn hạn                         | 667.405.200          | 704.270.400          | 166.851.300          |
| 2                | Phải trả người bán                         | 451.636.284          | 3.740.209.815        | 1.108.958.997        |
| 3                | Người mua trả tiền trước                   | 0                    | 99.850.000           | 1.100.916.850        |
| 4                | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước        | 13.033.998           | 589.971.067          | 515.522.375          |
| 5                | Phải trả người lao động                    | 115.843.437          | 267.649.920          | 282.065.825          |
| 6                | Chi phí phải trả                           | 0                    | 0                    | 576.297.904          |
| 7                | Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 4.292.513            | 250.128.857          | 235.804.039          |
| 8                | Quỹ khen thưởng phúc lợi                   |                      |                      | 1.877.758            |
| <b>II</b>        | <b>Nợ dài hạn</b>                          | <b>2.335.918.200</b> | <b>1.760.676.000</b> | <b>1.760.676.000</b> |
| 1                | Vay và nợ dài hạn                          | 2.335.918.200        | 1.760.676.000        | 1.760.676.000        |
| <b>Tổng cộng</b> |                                            | <b>3.588.129.632</b> | <b>7.412.756.059</b> | <b>5.748.971.048</b> |

*(Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2010 và BCTC Quý 3/2011)*

✓ **Tình hình dư nợ vay tại ngày 30/09/2011**

Đơn vị: Đồng

| TT               | Nội dung                                                                    | 30/09/2011           |                |
|------------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------|
|                  |                                                                             | Theo VNĐ             | Theo USD       |
| 1                | Vay và nợ ngắn hạn                                                          |                      |                |
|                  | Nợ dài hạn đến hạn trả Chi nhánh ngân hàng Đầu tư và phát triển tỉnh Hà Tây | 166.851.300          | 9.300          |
| 2                | Vay và nợ dài hạn (*)                                                       |                      |                |
|                  | Vay dài hạn Chi nhánh ngân hàng Đầu tư và phát triển tỉnh Hà Tây            | 1.760.676.000        | 93.000         |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                                             | <b>1.927.527.300</b> | <b>102.300</b> |

(\*): Công ty vay dài hạn theo hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2007/HĐTD ngày 04/10/2007. Mục đích của khoản vay là để thanh toán chi phí đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất chế tác đá trang trí nội thất theo quyết định phê duyệt dự án 28QĐ/SVN-BQL ngày 16/07/2007 của HĐQT Công ty CP Chế tác đá Việt Nam. Thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 25/09/2014 với mức lãi suất như sau:

- Lãi suất vay USD: kể từ ngày nhận món vay đầu tiên đến hết ngày 31/12/2007 là 6,9%/năm. Các năm sau bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng (trả lãi sau) cộng phí ngân hàng 2%/năm

✓ **Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước**

Tại ngày 30/09/2011 Công ty có phát sinh khoản thuế phải nộp là 515.522.375 đồng, trong đó:

- Thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp là 472.926.786 đồng đã được nộp vào ngày 20/10/2011
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp là: 39.112.141 đồng đã được nộp vào ngày 26/10/2011
- Thuế thu nhập cá nhân là: 3.483.448 đồng đã được nộp vào ngày 26/10/2011

✓ **Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

| Chỉ tiêu                           | Công thức tính                            | Đơn vị tính | Năm 2009 | Năm 2010 |
|------------------------------------|-------------------------------------------|-------------|----------|----------|
| <b>1. Các hệ số thanh toán</b>     |                                           |             |          |          |
| Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn | Tài sản ngắn hạn/Tổng Nợ ngắn hạn         | Lần         | 7,67     | 2,91     |
| Hệ số khả năng thanh toán nhanh    | (Tài sản ngắn hạn - HTK)/Tổng Nợ ngắn hạn | Lần         | 6,40     | 1,61     |
| <b>2. Các hệ số cơ cấu vốn</b>     |                                           |             |          |          |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản              | Nợ phải trả/Tổng tài sản                  | Lần         | 0,08     | 0,14     |

| Chỉ tiêu                                                        | Công thức tính                          | Đơn vị tính | Năm 2009 | Năm 2010 |
|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------|----------|----------|
| Hệ số Nợ/ Vốn CSH                                               | Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu              | Lần         | 0,09     | 0,16     |
| <b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>                        |                                         |             |          |          |
| Vòng quay hàng tồn kho                                          | Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân | Vòng        | 5,29     | 4,36     |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản                                    | Doanh thu thuần/Tổng tài sản            | Vòng        | 0,23     | 0,56     |
| <b>4. Tỷ suất sinh lời (**)</b>                                 |                                         |             |          |          |
| Tỷ suất sinh lời trên doanh thu                                 | LNST/Doanh thu thuần                    | %           |          | 19,07    |
| Tỷ suất sinh lời trên vốn đầu tư của chủ sở hữu                 | LNST/Vốn đầu tư của chủ sở hữu          | %           |          | 12,44    |
| Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA)                        | LNST/Tổng Tài sản                       | %           |          | 10,69    |
| Tỷ suất lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | LN từ hoạt động KD/Doanh thu thuần      | %           |          | 18,96    |

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2010 )

(\*\*): Năm 2009 Công ty kinh doanh lỗ nên không tính các chỉ tiêu khả năng sinh lời

### **13. Danh sách Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng**

#### **13.1 Danh sách thành viên Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị Công ty có 05 thành viên, trong đó có 02 thành viên độc lập không tham gia điều hành, chi tiết như sau:

- Ông Phạm Trí Dũng : Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
- Ông Lưu Công An : Ủy viên HĐQT (thành viên độc lập không điều hành)
- Ông Phùng Văn Toàn : Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc
- Ông Nguyễn Hữu Chương : Ủy viên HĐQT (thành viên độc lập không điều hành)
- Ông Phạm Minh Hùng : Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc

#### **Tóm tắt Sơ yếu lý lịch của Thành viên HĐQT**



### 13.1.1 Ông Phạm Trí Dũng – Chủ tịch HĐQT

|                                       |                                                                                                                                                                       |
|---------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Họ và tên                             | <b>Phạm Trí Dũng</b>                                                                                                                                                  |
| Giới tính                             | Nam                                                                                                                                                                   |
| Ngày tháng năm sinh                   | 18/10/1971                                                                                                                                                            |
| Quốc tịch                             | Việt Nam                                                                                                                                                              |
| Dân tộc                               | Kinh                                                                                                                                                                  |
| Quê quán                              | xã Hải Lý, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định                                                                                                                               |
| Địa chỉ thường trú                    | Số 39, ngõ 37, Phố Vĩnh Hồ, quận Đống Đa, Hà Nội                                                                                                                      |
| Chứng minh nhân dân                   | 161914249 do Công an tỉnh Nam Định cấp ngày 14/06/2007                                                                                                                |
| Trình độ chuyên môn                   | Kỹ sư cơ khí                                                                                                                                                          |
| <b>Quá trình công tác</b>             |                                                                                                                                                                       |
| 1989 - 1990                           | Sinh viên khoa lưu học sinh Trường ĐH Ngoại Ngữ Hà Nội                                                                                                                |
| 1990 - 1997                           | Sinh viên Học viện Ấn loát Maxcova – Nga                                                                                                                              |
| 1997 - 1998                           | Học tiếng Anh chuyên ngành hàng không tại “Trung tâm tiếng Anh chuyên ngành”, số 1 Phạm Ngũ Lão, Hà Nội                                                               |
| 3/1998 - 7/2001                       | Kỹ thuật viên tại Cục cảng hàng không Miền Bắc                                                                                                                        |
| 8/2001 - 4/2004                       | Phó trưởng phòng Phụ trách xuất khẩu lao động Công ty Cổ phần kinh doanh Vinaconex                                                                                    |
| 5/2004 - 11/2005                      | Trưởng phòng Kế hoạch - Thị trường Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex                                                                                             |
| 12/2005 - 1/2007                      | Phó Giám đốc Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex                                                                                                                   |
| 2/2007 - 4/2010                       | Ủy viên Ban chấp hành Đảng uỷ, Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex, Ủy viên HĐQT Công ty CP Chế tác đá Việt Nam.               |
| 4/2010 - đến nay:                     | Ủy viên Ban chấp hành Đảng uỷ, Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex, Chủ tịch HĐQT kiêm giám đốc Công ty CP Chế tác đá Việt Nam |
| Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác | Ủy viên Ban chấp hành Đảng uỷ, Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty CP đá ốp lát cao cấp Vinaconex                                                             |

|                                                                |                                                                                           |
|----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
| Họ và tên                                                      | <b>Phạm Trí Dũng</b>                                                                      |
| Hành vi vi phạm pháp luật                                      | Không                                                                                     |
| Số cổ phần đang sở hữu (cổ phần của tổ chức đăng ký giao dịch) | 8.100 cổ phần chiếm 0,02% vốn điều lệ                                                     |
| Số cổ phiếu của những người liên quan                          | Không                                                                                     |
| Các khoản nợ với Công ty                                       | Không                                                                                     |
| Thù lao và lợi ích khác                                        | Kế hoạch chi trả thù lao 2011 được ĐHĐCĐ thường niên năm 2011 thông qua: 2.000.000đ/tháng |
| Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký giao dịch                | Không                                                                                     |

### **13.1.2 Ông Lưu Công An - Ủy viên HĐQT**

|                     |                                                                     |
|---------------------|---------------------------------------------------------------------|
| Họ và tên           | <b>Lưu Công An</b>                                                  |
| Giới tính           | Nam                                                                 |
| Ngày tháng năm sinh | 15/7/1965                                                           |
| Quốc tịch           | Việt Nam                                                            |
| Dân tộc             | Kinh                                                                |
| Quê quán            | Nam Tân, Nam Trực, Nam Định                                         |
| Địa chỉ thường trú  | Số 7 Ngõ 165 Khương Thượng – Đống Đa – Hà Nội                       |
| Chứng minh nhân dân | 013430592 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 14 tháng 06 năm 2011 |
| Trình độ chuyên môn | Kỹ sư động lực                                                      |

#### **Quá trình công tác**

|                |                                                              |
|----------------|--------------------------------------------------------------|
| 1987 - 1989    | Kỹ thuật viên tại Xưởng cơ khí Công ty Diesel Sông Công      |
| 1989 - 2000    | Thiết kế viên tại phòng thiết kế Công ty Diesel Sông Công    |
| 2000 - 10/2004 | Phó phòng thiết kế Công ty Diesel Sông Công                  |
| 11/2004        | Trưởng phòng kỹ thuật Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex |

| Họ và tên                                                      | Lưu Công An                                                                                                                                               |
|----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 12/2004 – 04/2005                                              | Quản đốc Phân xưởng Bretonstone Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex                                                                                    |
| 05/2005 – 02/2007                                              | Phó bí thư Chi bộ Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex kiêm Phó Giám đốc Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex                                         |
| 03/2007 – 10/2009                                              | Phó Bí Thư Đảng Ủy, Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc, Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex; Ủy viên HĐQT Công ty CP Chế tác đá Việt Nam              |
| 10/2009 - 04/2010                                              | Phó Bí Thư Đảng Ủy, Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex; Ủy viên HĐQT Kiêm Giám đốc Công ty CP Chế tác đá Việt Nam |
| 04/2010 - đến nay                                              | Phó Bí Thư Đảng Ủy, Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc, Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex; Ủy viên HĐQT Công ty CP Chế tác đá Việt Nam              |
| Chức vụ hiện nay                                               | Ủy viên HĐQT Công ty CP Chế tác đá Việt Nam                                                                                                               |
| Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác                          | Phó Bí Thư Đảng Ủy, Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc, Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex                                                           |
| Hành vi vi phạm pháp luật                                      | Không                                                                                                                                                     |
| Số cổ phần đang sở hữu (cổ phần của tổ chức đăng ký giao dịch) | Số cổ phần sở hữu của cá nhân: 17.000 cổ phần chiếm 0,425% vốn điều lệ                                                                                    |
| Số cổ phiếu của những người liên quan                          | Không                                                                                                                                                     |
| Các khoản nợ với Công ty                                       | Không                                                                                                                                                     |
| Thù lao và lợi ích khác                                        | Kế hoạch chi trả thù lao 2011 được ĐHĐCĐ thường niên năm 2011 thông qua: 1.000.000đ/tháng                                                                 |
| Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký giao dịch                | Không                                                                                                                                                     |

**13.1.3 Ông Phùng Văn Toàn - Ủy viên HĐQT**

|                                                                |                                                                              |
|----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|
| Họ và tên                                                      | <b>Phùng Văn Toàn</b>                                                        |
| Giới tính                                                      | Nam                                                                          |
| Ngày tháng năm sinh                                            | 04/02/1962                                                                   |
| Quốc tịch                                                      | Việt Nam                                                                     |
| Dân tộc                                                        | Kinh                                                                         |
| Quê quán                                                       | Tam Hưng, Thanh Oai, Hà Nội                                                  |
| Địa chỉ thường trú                                             | Mễ Trì Thượng, Từ Liêm, Hà Nội                                               |
| Chứng minh nhân dân                                            | 090793656 do Công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 21/10/1999                    |
| Trình độ chuyên môn                                            | Kỹ sư động lực                                                               |
| <b>Quá trình công tác</b>                                      |                                                                              |
| 1985 – 1997                                                    | Kỹ thuật viên Công ty Diesel Sông Công                                       |
| 1997 – 1998                                                    | Phó Phòng Thiết kế Công ty Diesel Sông Công                                  |
| 1998 - 05/2005                                                 | Trưởng Phòng Thiết kế Công ty Diesel Sông Công                               |
| 05/2005 - 12/2007                                              | Trưởng Phòng Kỹ thuật Công ty CP Đá ốp lát cao cấp VINACONEX.                |
| 12/2007 – 04/2008                                              | Phó Giám đốc Công ty CP Đá ốp lát cao cấp VINACONEX                          |
| 04/2008 – 10/2009                                              | Bí thư chi bộ, Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP Chế tác đá Việt Nam     |
| 10/2009- đến nay                                               | Bí thư chi bộ, Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty CP Chế tác đá Việt Nam |
| Chức vụ hiện nay                                               | Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty CP Chế tác đá Việt Nam                |
| Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác                          | Không                                                                        |
| Hành vi vi phạm pháp luật                                      | Không                                                                        |
| Số cổ phần đang sở hữu (cổ phần của tổ chức đăng ký giao dịch) | 10.500 cổ phần chiếm 0,26% vốn điều lệ                                       |
| Số cổ phiếu của những người liên                               | Không                                                                        |

|                                                 |                                                                                          |
|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|
| Họ và tên                                       | <b>Phùng Văn Toàn</b>                                                                    |
| quan                                            |                                                                                          |
| Các khoản nợ với Công ty                        | Không                                                                                    |
| Thù lao và lợi ích khác                         | Kế hoạch chi trả thù lao 2011 được HĐQT thường niên năm 2011 thông qua: 1.000.000đ/tháng |
| Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký giao dịch | Không                                                                                    |

**13.1.4 Ông Nguyễn Hữu Chương - Ủy viên HĐQT**

|                     |                                                           |
|---------------------|-----------------------------------------------------------|
| Họ và tên           | <b>Nguyễn Hữu Chương</b>                                  |
| Giới tính           | Nam                                                       |
| Ngày tháng năm sinh | 19/12/1980                                                |
| Quốc tịch           | Việt Nam                                                  |
| Dân tộc             | Kinh                                                      |
| Quê quán            | Nga Mỹ, Nga Sơn, Thanh Hoá                                |
| Địa chỉ thường trú  | Tổ 17 Thị trấn Cầu Diễn - Từ Liêm - Hà Nội                |
| Chứng minh nhân dân | 013371535 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 20/12/2010 |
| Trình độ chuyên môn | Thạc sỹ điện tử động hoá                                  |

**Quá trình công tác**

|                   |                                                                                                              |
|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 06/2004 -12/2004  | Làm việc tại Công ty Tự động hoá và truyền thông Vinaconex                                                   |
| 01/2005-01/2005   | Làm việc tại Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex                                                          |
| 02/2005 – 02/2007 | Phó Giám đốc Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex                                                          |
| 03/2007 – 03/2008 | Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex                                        |
| 04/2008- 07/2009  | Giám đốc Công ty liên doanh Style stone, Ủy viên HĐQT Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex                 |
| 08/2009 – 04/2010 | Bí thư chi bộ kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Style stone, Ủy viên HĐQT Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex |
| 04/2010 – đến nay | Bí thư chi bộ kiêm Giám đốc Công ty CP Style                                                                 |





|                                                                   |                                                                                                               |
|-------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Họ và tên                                                         | <b>Nguyễn Hữu Chương</b>                                                                                      |
|                                                                   | stone, Ủy viên HĐQT Công ty CP Đá ốp lát cao cấp<br>Vinaconex, Ủy viên HĐQT Công ty CP Chế tác đá<br>Việt Nam |
| Chức vụ hiện nay                                                  | Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty CP Chế tác đá<br>Việt Nam                                                   |
| Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ<br>chức khác                          | Bí thư Chi bộ kiêm Giám đốc Công ty CP Style Stone,<br>Ủy viên HĐQT Công ty CP Đá ốp lát cao cấp<br>Vinaconex |
| Hành vi vi phạm pháp luật                                         | Không                                                                                                         |
| Số cổ phần đang sở hữu (cổ phần<br>của tổ chức đăng ký giao dịch) | 6.000 cổ phần chiếm 0,15% vốn điều lệ                                                                         |
| Số cổ phiếu của những người liên<br>quan                          | Không                                                                                                         |
| Các khoản nợ với Công ty                                          | Không                                                                                                         |
| Thù lao và lợi ích khác                                           | Kế hoạch chi trả thù lao 2011 được ĐHĐCĐ thường<br>niên năm 2011 thông qua: 1.000.000đ/tháng                  |
| Lợi ích liên quan đến tổ chức<br>đăng ký giao dịch                | Không                                                                                                         |

#### **13.1.5 Ông Phạm Minh Hùng - Ủy viên HĐQT**

|                     |                                                             |
|---------------------|-------------------------------------------------------------|
| Họ và tên           | <b>Phạm Minh Hùng</b>                                       |
| Giới tính           | Nam                                                         |
| Ngày tháng năm sinh | 09/8/1970                                                   |
| Quốc tịch           | Việt Nam                                                    |
| Dân tộc             | Kinh                                                        |
| Quê quán            | Hương Ngải - Thạch Thất – Hà Nội                            |
| Địa chỉ thường trú  | Số 54 Hoa Bằng, Yên Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội                   |
| Chứng minh nhân dân | 012016143 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày<br>05/3/2005 |
| Trình độ chuyên môn | Kỹ sư điện tự động hóa                                      |

#### **Quá trình công tác**

|                                                                |                                                                                                                                  |
|----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Họ và tên</b>                                               | <b>Phạm Minh Hùng</b>                                                                                                            |
| 02/1993 - 12/1995                                              | Làm việc tại Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam                                                                       |
| 01/1996 - 01/1997                                              | Thực tập sinh – Kyoritsu Nhật Bản                                                                                                |
| 04/1997 - 02/1999                                              | Làm việc tại Công ty CP Xây dựng Số 7 – Vinaconex                                                                                |
| 02/1999 - 01/2004                                              | Làm việc tại Trung tâm Ứng dụng công nghệ Tự động hoá và Truyền thông Vinaconex                                                  |
| 01/2004 - 06/2007                                              | Làm việc tại Công ty CP Tự động hoá Truyền Thông Vinaconex.                                                                      |
| 06/2007 – 07 /2007                                             | Làm việc tại Phòng Đầu Tư – Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex                                                               |
| 07/2007 – 06/2008                                              | Phó trưởng Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất chế tác đá trang trí nội thất thuộc Công ty CP Chế tác đá Việt Nam |
| 06/2008 – 06/2009                                              | Ủy viên HĐQT kiêm Phụ trách phòng Kỹ thuật, Công ty CP Chế tác đá Việt Nam                                                       |
| 06/2009 – đến nay                                              | Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc, Công ty CP Chế tác đá Việt Nam                                                                   |
| Chức vụ hiện nay                                               | Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty CP Chế tác đá Việt Nam                                                                    |
| Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác                          | Không                                                                                                                            |
| Hành vi vi phạm pháp luật                                      | Không                                                                                                                            |
| Số cổ phần đang sở hữu (cổ phần của tổ chức đăng ký giao dịch) | 200.000 cổ phần chiếm 05% vốn điều lệ                                                                                            |
| Số cổ phiếu của những người liên quan                          | Không                                                                                                                            |
| Các khoản nợ với Công ty                                       | Không                                                                                                                            |
| Thù lao và lợi ích khác                                        | Kế hoạch chi trả thù lao 2011 được ĐHĐCĐ thường niên năm 2011 thông qua: 1.000.000đ/tháng                                        |
| Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký giao dịch                | Không                                                                                                                            |

### 13.2 Danh sách thành viên Ban Giám đốc

#### 13.2.1 Giám đốc Công ty: Ông Phạm Trí Dũng

*Sơ yếu lý lịch của Ông Phạm Trí Dũng được đề cập tại mục 13.1.1 ở trên.*

#### 13.2.2 Phó Giám đốc: Ông Phùng Văn Toàn

*Sơ yếu lý lịch của Ông Phùng Văn Toàn được đề cập tại mục 13.1.3 ở trên.*

#### 13.2.3 Phó Giám đốc: Ông Phạm Minh Hùng

*Sơ yếu lý lịch của Ông Phạm Minh Hùng được đề cập tại mục 13.1.5 ở trên.*

#### 13.2.4 Phó Giám đốc: Ông Ninh Quốc Cường

| Họ và tên           | Ninh Quốc Cường                                                 |
|---------------------|-----------------------------------------------------------------|
| Giới tính           | Nam                                                             |
| Ngày tháng năm sinh | 02/6/1962                                                       |
| Quốc tịch           | Việt Nam                                                        |
| Dân tộc             | Kinh                                                            |
| Quê quán            | Yên Ninh – Ý Yên – Nam Định                                     |
| Địa chỉ thường trú  | Số nhà 44, Tập thể Viện Thiết kế, xã Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội |
| Chứng minh nhân dân | 161427852 do Công an Hà Nam cấp ngày 02/02/1982                 |
| Trình độ chuyên môn | Công nhân mộc                                                   |

#### Quá trình công tác

|                   |                                                           |
|-------------------|-----------------------------------------------------------|
| 02/1983 - 05/1986 | Là Bộ đội                                                 |
| 03/1989 - 04/1990 | Giáo viên trường Công nghiệp Kinh tế Xây dựng Hà Nam Ninh |
| 05/1990 - 02/1994 | Làm việc tại Xưởng mộc Vinaconex                          |
| 03/1994 - 08/1996 | Làm việc tại Libya                                        |
| 08/1997 - 02/1998 | Làm việc tại Xưởng mộc Công ty VINATA                     |
| 03/1998 - 02/2001 | Làm việc tại Nhật Bản                                     |
| 06/2001-10/2002   | Đội trưởng đội mộc Công ty Liên doanh VINATA              |
| 11/2002 – 05/2003 | Làm việc tại Phân xưởng sản xuất Công ty VINADÉCOR        |

| Họ và tên                                                      | Ninh Quốc Cường                                                                                                                                              |
|----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 06/2003 - 04/2008                                              | Quản đốc Phân xưởng sản xuất Công ty VINADECOR                                                                                                               |
| 05/2008 – 09/2009                                              | Quản đốc Phân xưởng sản xuất kiêm Phó Trưởng Ban quản lý dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất, chế tác đá trang trí nội thất” thuộc Công ty STONE VIETNAM |
| 10/2009 – đến nay                                              | Phó Giám đốc, kiêm Quản đốc Phân xưởng sản xuất Công ty STONE VIETNAM                                                                                        |
| Chức vụ hiện nay                                               | Phó Giám đốc, kiêm Quản đốc Phân xưởng sản xuất Công ty STONE VIETNAM                                                                                        |
| Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác                          | Không                                                                                                                                                        |
| Hành vi vi phạm pháp luật                                      | Không                                                                                                                                                        |
| Số cổ phần đang sở hữu (cổ phần của tổ chức đăng ký giao dịch) | Không                                                                                                                                                        |
| Số cổ phiếu của những người liên quan                          | Không                                                                                                                                                        |
| Các khoản nợ với Công ty                                       | Không                                                                                                                                                        |
| Thù lao và lợi ích khác                                        | Không                                                                                                                                                        |
| Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký giao dịch                | Không                                                                                                                                                        |

### 13.3 Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty Stone Vietnam có 03 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm. Danh sách như sau:

1. Ông Lương Xuân Mẫn : Trưởng ban Kiểm soát
2. Ông Trịnh Quốc Hùng : Thành viên Ban kiểm soát
3. Bà Nguyễn Phương Thuý : Thành viên Ban kiểm soát

**Tóm tắt lý lịch Ban kiểm soát:**

### 13.3.1 Trưởng ban Kiểm soát – Ông Lương Xuân Mẫn

|                             |                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Họ và tên                   | <b>Lương Xuân Mẫn</b>                                                                                                                                                                                                                                               |
| Giới tính                   | Nam                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| Ngày tháng năm sinh         | 20/7/1963                                                                                                                                                                                                                                                           |
| Quốc tịch                   | Việt Nam                                                                                                                                                                                                                                                            |
| Dân tộc                     | Kinh                                                                                                                                                                                                                                                                |
| Quê quán                    | Hợp Đồng, Chương Mỹ, Hà Nội                                                                                                                                                                                                                                         |
| Địa chỉ thường trú          | Nhà 504, CT5, ĐN2, Khu đô thị Mỹ Đình 2, Từ Liêm, Hà Nội                                                                                                                                                                                                            |
| Chứng minh nhân dân         | 011346554 do Công an Hà Nội cấp ngày 04/10/1984                                                                                                                                                                                                                     |
| Trình độ chuyên môn         | Cử nhân kinh tế                                                                                                                                                                                                                                                     |
| <b>Quá trình công tác</b>   |                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 4/1987 - 4/1994             | Kế toán viên Công ty Thương nghiệp Tổng hợp huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây (nay Hà Nội)                                                                                                                                                                               |
| 5/1994 - 3/1997             | Kế toán trưởng Công ty Thương nghiệp Tổng hợp huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây (nay Hà Nội)                                                                                                                                                                             |
| 4/1997 - 9/2000             | Kế toán viên Nhà máy Bê tông và Xây dựng Xuân Mai                                                                                                                                                                                                                   |
| 9/2000 - 7/2002             | Kế toán trưởng Công ty CP TNHH Bê tông và Xây dựng An Xuân                                                                                                                                                                                                          |
| 7/2002 - 5/2005             | Kế toán trưởng Công ty CP VINACONEX19, phường 11, thị xã Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp                                                                                                                                                                                    |
| 6/2005 - 05/2009            | Kế toán trưởng, kiêm Chủ tịch Công đoàn Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex;<br>Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Chế tác đá Việt Nam                                                                                                                              |
| 6/2009 – 10/2010            | Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng, kiêm Chủ tịch Công đoàn Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex;<br>Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Chế tác đá Việt Nam.                                                                                                      |
| 11/2010 đến nay             | Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng, kiêm Ủy viên Ban chấp hành Công đoàn Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex;<br>Ủy viên Ban chấp hành Công đoàn Tổng công ty CP Xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam;<br>Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Chế tác đá Việt Nam. |
| Chức vụ hiện nay            | Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Chế tác đá Việt Nam.                                                                                                                                                                                                                |
| Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ | Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng, kiêm Ủy viên                                                                                                                                                                                                                 |

|                                                                |                                                                                                                                                        |
|----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Họ và tên                                                      | <b>Lương Xuân Mẫn</b>                                                                                                                                  |
| chức khác                                                      | Ban chấp hành Công đoàn Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex<br>Ủy viên Ban chấp hành Công đoàn Tổng công ty CP Xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam. |
| Hành vi vi phạm pháp luật                                      | Không                                                                                                                                                  |
| Số cổ phần đang sở hữu (cổ phần của tổ chức đăng ký giao dịch) | 29.000 cổ phần chiếm 0,725% vốn điều lệ                                                                                                                |
| Số cổ phiếu của những người liên quan                          | Bà Lương Thị Lan số CMT: 111059637 cấp ngày 11/04/2005 tại Hà Tây, là em ruột ông Lương Xuân Mẫn nắm giữ 5.000 cổ phần chiếm 0,125% vốn điều lệ.       |
| Các khoản nợ với Công ty                                       | Không                                                                                                                                                  |
| Thù lao và lợi ích khác                                        | Kế hoạch chi trả thù lao 2011 được ĐHĐCĐ thường niên năm 2011 thông qua: 1.000.000đ/tháng                                                              |
| Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký giao dịch                | Không                                                                                                                                                  |

### **13.3.2 Thành viên ban kiểm soát - Ông Trịnh Quốc Hùng**

|                     |                                                    |
|---------------------|----------------------------------------------------|
| Họ và tên           | <b>Trịnh Quốc Hùng</b>                             |
| Giới tính           | Nam                                                |
| Ngày tháng năm sinh | 27/4/1962                                          |
| Quốc tịch           | Việt Nam                                           |
| Dân tộc             | Kinh                                               |
| Quê quán            | Minh Tân – Phú Xuyên – Hà Nội                      |
| Địa chỉ thường trú  | Số 2 - Thị trấn Quốc Oai - Huyện Quốc Oai – Hà Nội |
| Chứng minh nhân dân | 011505112 do Công an Hà Nội cấp ngày 06/05/1987    |
| Trình độ chuyên môn | Kỹ sư động lực                                     |

#### **Quá trình công tác**

|             |                                                                                                    |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1986 – 1990 | Kỹ sư động lực, Phó phòng Kỹ thuật Xí nghiệp Vật tư - Vận tải Công ty Than III – Đông Anh – Hà Nội |
| 1991- 2001  | Phụ trách kinh doanh Hăng dầu Cantex tại khu vực TP Sơn Tây, Hà Tây (nay Hà Nội)                   |



|                                                                |                                                                                                                                                        |
|----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Họ và tên                                                      | <b>Trịnh Quốc Hùng</b>                                                                                                                                 |
| 2001 – 2007                                                    | Trưởng nhóm kinh doanh Công ty Bảo hiểm Prudential Việt Nam                                                                                            |
| 2007 – 4/2008                                                  | Chuyên viên Phòng Tổ chức – Hành chính, Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex                                                                         |
| 4/2008 – đến nay                                               | Phụ trách Phòng Tổ chức – Hành chính, kiêm Chủ tịch Công đoàn; Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Chế tác đá Việt Nam                                 |
| Chức vụ hiện nay                                               | Phụ trách Phòng Tổ chức – Hành chính, kiêm Chủ tịch Công đoàn; Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Chế tác đá Việt Nam                                 |
| Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác                          | Không                                                                                                                                                  |
| Hành vi vi phạm pháp luật                                      | Không                                                                                                                                                  |
| Số cổ phần đang sở hữu (cổ phần của tổ chức đăng ký giao dịch) | Không                                                                                                                                                  |
| Số cổ phiếu của những người liên quan                          | Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân, số CMT: 111486609 cấp ngày 08/09/1997 tại Hà Nội, là vợ ông Trịnh Quốc Hùng, sở hữu: 3.000 cổ phần, chiếm 0,075% vốn điều lệ |
| Các khoản nợ với Công ty                                       | Không                                                                                                                                                  |
| Thù lao và lợi ích khác                                        | Kế hoạch chi trả thù lao 2011 được ĐHĐCĐ thường niên năm 2011 thông qua: 500.000đ/tháng                                                                |
| Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký giao dịch                | Không                                                                                                                                                  |

### **13.3.3 Thành viên ban kiểm soát – Bà Nguyễn Phương Thúy**

|                     |                           |
|---------------------|---------------------------|
| Họ và tên           | <b>Nguyễn Phương Thúy</b> |
| Giới tính           | Nữ                        |
| Ngày tháng năm sinh | 28/12/1981                |
| Quốc tịch           | Việt Nam                  |

|                                                                |                                                                                                                                      |
|----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Họ và tên                                                      | <b>Nguyễn Phương Thúy</b>                                                                                                            |
| Dân tộc                                                        | Kinh                                                                                                                                 |
| Quê quán                                                       | Lý Nhân – Nam Hà                                                                                                                     |
| Địa chỉ thường trú                                             | Phường Gia Sàng – Thành phố Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên                                                                           |
| Chứng minh nhân dân                                            | 090724528 do Công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 16/07/2003                                                                            |
| Trình độ chuyên môn                                            | Cử nhân kinh tế                                                                                                                      |
| <b>Quá trình công tác</b>                                      |                                                                                                                                      |
| 10/2005 –12/2006                                               | Nhân viên tổng kê phân xưởng Bretonstone Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex                                                      |
| 01/2007 đến nay                                                | Nhân viên Phòng Tài chính - Kế hoạch Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex; Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Chế tác đá Việt Nam |
| Chức vụ hiện nay                                               | Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Chế tác đá Việt Nam                                                                              |
| Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác                          | Nhân viên Phòng Tài chính - Kế hoạch Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex                                                          |
| Hành vi vi phạm pháp luật                                      | Không                                                                                                                                |
| Số cổ phần đang sở hữu (cổ phần của tổ chức đăng ký giao dịch) | Không                                                                                                                                |
| Số cổ phiếu của những người liên quan                          | Không                                                                                                                                |
| Các khoản nợ với Công ty                                       | Không                                                                                                                                |
| Thù lao và lợi ích khác                                        | Kế hoạch chi trả thù lao 2011 được ĐHĐCĐ thường niên năm 2011 thông qua: 500.000đ/tháng                                              |
| Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký giao dịch                | Không                                                                                                                                |

**13.4. Kế toán trưởng: Bà Trần Thị Đức Hạnh**

|                                                                |                                                                                                                                                          |
|----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Họ và tên                                                      | <b>Trần Thị Đức Hạnh</b>                                                                                                                                 |
| Giới tính                                                      | Nữ                                                                                                                                                       |
| Ngày tháng năm sinh                                            | 23/02/1974                                                                                                                                               |
| Quốc tịch                                                      | Việt Nam                                                                                                                                                 |
| Dân tộc                                                        | Kinh                                                                                                                                                     |
| Quê quán                                                       | Tân Lễ - Hưng Hà – Thái Bình                                                                                                                             |
| Địa chỉ thường trú                                             | Số 65 Ngõ 44 – Triều Khúc – Thanh Xuân Nam – Thanh Xuân – Hà Nội                                                                                         |
| Chứng minh nhân dân                                            | 011759694 do Công an TP Hà Nội cấp ngày 27/08/2010                                                                                                       |
| Trình độ chuyên môn                                            | Cử nhân kinh tế                                                                                                                                          |
| <b>Quá trình công tác</b>                                      |                                                                                                                                                          |
| 10/1995 – 11/2005                                              | Nhân viên Kế toán Trung tâm Khoa học Công nghệ môi trường giao thông (Viện khoa học công nghệ môi trường giao thông) – Trường Đại học Giao thông Vận tải |
| 12/2005 – 7/2008                                               | Nhân viên Phòng Tài chính - Kế hoạch, kiêm Trưởng Ban nữ công – Ủy viên ban chấp hành Công đoàn Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex.                  |
| 8/2008 - đến nay                                               | Phó trưởng phòng Phòng Tài chính – Kế hoạch, kiêm Trưởng Ban nữ công – Ủy viên Ban chấp hành công đoàn Công ty Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex;   |
| Chức vụ hiện nay                                               | Kế toán trưởng Công ty Cổ phần chế tác đá Việt Nam                                                                                                       |
| Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác                          | Phó trưởng phòng Phòng Tài chính – Kế hoạch, kiêm Trưởng Ban nữ công – Ủy viên Ban chấp hành công đoàn Công ty Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex.   |
| Hành vi vi phạm pháp luật                                      | Không                                                                                                                                                    |
| Số cổ phần đang sở hữu (cổ phần của tổ chức đăng ký giao dịch) | 2.000 cổ phần                                                                                                                                            |
| Số cổ phiếu của những người liên quan                          | Không                                                                                                                                                    |
| Các khoản nợ với Công ty                                       | Không                                                                                                                                                    |
| Thù lao và lợi ích khác                                        | Không                                                                                                                                                    |
| Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký giao dịch                | Không                                                                                                                                                    |

#### 14. Tình hình tài sản cố định của Công ty tại ngày 30/09/2011

Đơn vị tính: đồng

| TT         | Chỉ tiêu                               | Nguyên giá            | Hao mòn lũy kế        | Giá trị còn lại       |
|------------|----------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>I</b>   | <b>Tài sản cố định hữu hình</b>        | <b>45.148.861.430</b> | <b>10.739.258.610</b> | <b>34.409.602.820</b> |
| 1          | Nhà cửa, vật kiến trúc                 | 30.006.787.916        | 5.880.399.581         | 24.126.388.335        |
| 2          | Máy móc thiết bị                       | 13.147.415.181        | 4.071.037.941         | 9.076.377.240         |
| 3          | Phương tiện vận tải                    | 1.868.901.512         | 717.729.333           | 1.151.172.179         |
| 4          | Thiết bị, dụng cụ quản lý              | 125.756.821           | 70.091.755            | 55.665.066            |
| <b>II</b>  | <b>Tài sản cố định vô hình</b>         | <b>18.000.000</b>     | <b>8.700.000</b>      | <b>9.300.000</b>      |
| 1          | Phần mềm máy tính                      | 18.000.000            | 8.700.000             | 9.300.000             |
| <b>III</b> | <b>Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang</b> |                       |                       | <b>86.307.428</b>     |
|            | <b>Cộng</b>                            | <b>45.166.861.430</b> | <b>10.747.958.610</b> | <b>34.505.210.248</b> |

(Nguồn: Báo cáo tài chính Quý 3/2011)

Tính đến thời điểm 30/09/2011, một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 3.050.788.517 VND và 2.048.040.306 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Tây.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 30/09/2011 là **86.307.428 đồng**, gồm những hạng mục sau:

- Showroom SVN : 4.651.188 đồng
- Hệ thống thông gió : 23.458.491 đồng
- Lắp đặt thêm khung nhà để xe : 1.614.452 đồng
- Khung mái che xưởng mộc : 52.440.246 đồng
- Cổng phụ đẩy tay : 4.143.051 đồng

#### 15. Đất đai, nhà xưởng

Tại ngày 30/09/2011 Công ty đang sử dụng một lô đất thuê với diện tích 24.100 m<sup>2</sup> tại địa chỉ Lô A2, Khu Công nghiệp Công nghệ cao, Khu Công nghệ cao, Hoà Lạc, Thạch Hoà, Thạch Thất, Hà Nội. Theo hợp đồng thuê đất số 12 VC/HĐKT-TLĐKCNBPC ngày 30/05/2008 với Ban quản lý các dự án đầu tư Hoà Lạc - Tổng Công ty Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (VINACONEX.,SJC), Công ty thuê với thời gian là 49 năm, đơn giá thuê (chưa bao gồm VAT): 10.000đồng/m<sup>2</sup>/năm.

#### 16. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2011

Năm 2010 là năm thứ ba kể từ khi Công ty đi vào hoạt động với sự đầu tư có chọn lọc và bộ máy quản lý được cơ cấu phù hợp, đội ngũ kỹ sư, cử nhân được đào tạo và đào tạo nâng cao, trình độ tay nghề của công nhân ngày càng thành thạo, nâng cao năng suất chất lượng



và cải tiến kỹ thuật. Sản phẩm của Công ty đã được nhiều doanh nghiệp và cá nhân biết đến. Đặc biệt trong năm qua sản phẩm của Công ty đã đạt được những thành công với mục tiêu thâm nhập và phân khúc thị trường là dự án trong nước và đã mang lại tỷ trọng lớn cho doanh thu như: Dự án “ Trung tâm thương mại Bắc An Khánh” do liên doanh Posco – Vinaconex làm chủ đầu tư, Dự án “ Trung tâm thương mại và nhà ở 229 Tây Sơn- Hà Nội” do Công ty Cổ phần Hóa dầu quân đội làm chủ đầu tư, Dự án “Seabank Tower 324 Tây Sơn – Hà Nội” do tập đoàn BRG làm chủ đầu tư.

Dựa trên kết quả sản xuất kinh doanh năm 2010, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh cho năm 2011 như sau:

| TT | Khoản mục                                   | Năm 2010 | Năm 2011 | % tăng giảm |
|----|---------------------------------------------|----------|----------|-------------|
| 1  | Doanh thu thuần (triệu đồng)                | 29.442   | 56.000   | 90,2%       |
| 2  | Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)           | 6.350    | 12.364   | 94,71%      |
| 3  | Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)             | 5.615    | 11.128   | 98,2%       |
| 4  | Vốn điều lệ (triệu đồng)                    | 40.000   | 40.000   | 0,0%        |
| 5  | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần | 19,1%    | 19,9%    | -           |
| 6  | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ     | 14,04%   | 27,8%    | -           |
| 7  | Cổ tức                                      | 10,00%   | 15,0%    | 5,0%        |

(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2011)

✓ **Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:**

Để hoàn thành các mục tiêu của kế hoạch đã được nêu trong Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2011 cần sự cố gắng, nỗ lực rất lớn từ Ban lãnh đạo đến toàn thể CBCNV trong Công ty. Ngoài ra, cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

✓ **Tăng cường tính cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường**

- Không ngừng nghiên cứu cải tiến, nâng cao kỹ năng chế tác và tăng cường sự kiểm soát để tạo ra các sản phẩm đẹp, chất lượng cao và ổn định thỏa mãn tối đa nhu cầu của khách hàng
- Tính toán chi phí hợp lý, nâng cao năng suất lao động để tạo sự ra sự cạnh tranh về giá.
- Ban hành chính sách hậu mãi, khuyến mại hợp lý nhằm thu hút khách hàng.
- Triển khai sản xuất khẩn trương, đúng tiến độ khi nhận được đơn hàng.
- Thực hiện tốt các dịch vụ trước, trong và sau bán hàng. Thỏa mãn 100% nhu cầu của khách hàng.
- Tạo ra một số sản phẩm thông dụng làm sẵn để bày bán tại các cửa hàng, Đại lý

như mặt bàn, kệ...phù hợp về kiểu dáng kích thước để sử dụng trong gia đình, nhà hàng.

✓ ***Phát triển hệ thống đại lý tại các vùng miền***

Trong năm 2010, bán hàng qua đại lý đã đạt được những tiến bộ. Tuy nhiên, doanh thu bán hàng còn thấp đạt khoảng 5% doanh thu từ bán hàng trong nước. Số đại lý còn ít (04) chỉ tập trung tại khu vực Hà Nội, nhưng hiệu quả lại không đồng đều. Chưa mở được đại lý tại các khu vực khác. Do đó, cần thực hiện một số biện pháp sau:

- Đối với các đại lý hiện có cần đánh giá lại về hiệu quả và tiềm năng phát triển trong tương lai. Chấm dứt hợp đồng với các đại lý không đáp ứng được nhu cầu.
- Đầu tư thích đáng về cơ sở vật chất ban đầu, có chính sách ưu tiên và quy định cụ thể.
- Xây dựng thêm đại lý nhưng không mở rộng tràn lan tại các khu vực: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và một số địa bàn khác khi thấy cần thiết trên cơ sở đánh giá năng lực và tiềm năng như: địa điểm, kinh nghiệm, thương hiệu, khả năng thanh toán và chiến lược khả thi.
- Hàng quý cần có đánh giá cụ thể về đại lý đã được ký kết dựa trên cơ sở: doanh số, khả năng thanh toán, số lượng dự kiến tiêu thụ trong quý sau và ý kiến phản hồi của đại lý để từ đó có cơ sở hỗ trợ hoặc điều chỉnh chính sách hoặc chấm dứt hợp đồng.

✓ ***Trở thành nhà cung cấp có uy tín cho các dự án lớn, công trình trọng điểm ở Việt Nam***

- Thiết lập một bộ phận bán hàng dự án để tiếp cận với các dự án trong nước và thực hiện dự án một cách chuyên nghiệp, hiệu quả và kịp thời.
- Các chính sách chiết khấu hợp lý theo quy mô dự án.
- Thường xuyên đánh giá tình hình thực hiện và hiệu quả mang lại từ các dự án để có điều chỉnh phù hợp.

✓ ***Đẩy mạnh công tác xuất khẩu***

Hiện tại, Công ty chưa có đủ năng lực và uy tín để xuất trực tiếp sản phẩm của mình đến thị trường ngoài nước. Do vậy, trước mắt cần phải tận dụng triệt để sự hỗ trợ đặc lực từ Công ty mẹ (Vicostone).

✓ ***Triển khai các hoạt động quảng cáo***

- Khẩn trương xây dựng trang Web của Công ty và thường xuyên cập nhật các thông tin cần thiết để biến chúng trở thành cẩm nang tra cứu thuận tiện cho khách hàng khi có nhu cầu tìm hiểu, liên hệ và sử dụng sản phẩm của Công ty cũng như các hoạt động của Công ty.





- Tham gia triển lãm về xây dựng, vật liệu và kiến trúc cùng với Công ty mẹ.
- Giới thiệu sản phẩm và hình ảnh của Công ty trên các phương tiện thông tin đại chúng, tờ rơi, đĩa CD...

✓ ***Phát triển nguồn nhân lực***

- Tuyển dụng nhân công có chất lượng cao phục vụ trước mắt và lâu dài
- Điều chỉnh, bố trí nhân lực phù hợp năng lực.
- Đào tạo thêm và đào tạo lại phù hợp với nhu cầu thực tế công việc và phục vụ cho chiến lược phát triển công ty.
- Đầu tư trang thiết bị cần thiết.
- Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2008, hệ thống quản lý môi trường theo ISO 14000 và biến chúng thành công cụ hữu hiệu phục vụ cho việc quản lý và điều hành Công ty.

✓ ***Chăm lo đời sống của người lao động về vật chất và tinh thần***

- Thực hiện đầy đủ quyền lợi của người lao động theo quy định của pháp luật.
- Tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, lành mạnh, nâng cao ý thức trách nhiệm với công việc.
- Trả lương và có chính sách đãi ngộ tương xứng với cống hiến.

✓ ***Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, quản lý chi phí hiệu quả***

✓ **Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua**

ĐHĐCĐ thông qua kế hoạch đầu tư năm 2011 tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2011 số 01/201/NQ/SVN-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2010 như sau:

- Đầu tư thiết bị sản xuất khuôn cao su với tổng mức đầu tư khoảng 5,5 tỷ đồng
- Đầu tư mở rộng quy mô sản xuất xây dựng xưởng mộc với tổng mức đầu tư 500 triệu đồng
- Đầu tư một số máy móc thiết bị với tổng mức đầu tư dự kiến 4,5 tỷ đồng
  - + Mua sắm một xe tải cầu 3 tấn
  - + Máy mài mép
  - + 2 máy cắt cầu
  - + Máy cắt tia nước

✓ **Đánh giá về mức độ hoàn thành kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2011**

Trong năm 2011, để thực hiện kế hoạch, Công ty đã thực hiện các biện pháp nhằm phát triển hệ thống đại lý, đẩy mạnh xuất khẩu. Tuy nhiên, sự ảm đạm của thị trường bất động



sản trong năm đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động của các công ty trong ngành xây dựng nói chung và bản thân công ty nói riêng. Hơn thế, cuộc khủng hoảng nợ công ở châu Âu và tình trạng lạm phát ở các nước châu Á đã khiến thị trường xuất khẩu của Công ty bị thu hẹp. Căn cứ vào Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2011, Công ty đạt doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh là 18,9 tỷ đồng đạt 34% kế hoạch và lợi nhuận sau thuế là 2,6 tỷ đồng bằng 23% kế hoạch. Trong quý IV năm 2011, Công ty đã đẩy mạnh hoạt động sản xuất và bán hàng. Trên cơ sở khả năng hoàn thành hợp đồng đã ký kết, Công ty ước tính đạt mức doanh thu năm 2011 là hơn 35 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế khoảng 4 tỷ đồng. Với tình hình thực tế, Công ty khó hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011. Tuy nhiên sự nỗ lực của Công ty trong hoạt động kinh doanh năm 2011 sẽ là tiền đề tốt để kết quả kinh doanh trong các năm tới được gia tăng hơn

**17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký giao dịch**

*Không có*

**18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty**

*Không có*

**V. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH****1. Loại chứng khoán**

Cổ phiếu phổ thông

**2. Mệnh giá**

10.000 đồng/cổ phiếu

**3. Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch**

Tổng số cổ phần đăng ký giao dịch đợt này: **4.000.000 cổ phần**

**4. Phương pháp tính giá****4.1 Giá trị sổ sách:**

Giá trị sổ sách một cổ phần của Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam được tính theo công thức sau:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số cổ phần đang lưu hành}}$$

Dựa vào số liệu trên báo cáo tài chính của Công ty, giá trị sổ sách của Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam như sau:

| TT | Chỉ tiêu                               | Giá trị tại ngày<br>31/12/2010<br>(đồng) | Giá trị tại ngày<br>30/09/2011<br>(đồng) |
|----|----------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|
| 1  | Vốn chủ sở hữu                         | 45.132.925.438                           | 43.456.297.924                           |
| 3  | Số lượng cổ phần đang lưu hành         | 4.000.000                                | 4.000.000                                |
| 5  | <b>Giá trị sổ sách của một cổ phần</b> | <b>11.283</b>                            | <b>10.864</b>                            |

#### 4.2 Phương pháp chiết khấu dòng cổ tức (DDM):

Phương pháp chiết khấu dòng cổ tức là phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp dựa trên cơ sở khả năng sinh lời của doanh nghiệp trong tương lai với giả định giá cổ phiếu bằng giá trị hiện tại của dòng cổ tức tương lai của doanh nghiệp.

##### Công thức tính:

Giá trị hiện tại của doanh nghiệp được xác định theo công thức:

$$\text{Giá trị hiện tại của doanh nghiệp (PV)} = \sum_{t=1}^{t=n} \frac{D_t}{(1+R)^t} + \frac{D_t (1+g)}{(R-g) (1+R)^t}$$

Trong đó:

- $D_t$  là giá trị cổ tức mà doanh nghiệp dự kiến chi trả trong năm  $t$
- $R$ : Lãi suất chiết khấu được tính theo công thức sau:

$$R = K_f + \beta * K_m$$

+  $K_f$ : là lãi suất phi rủi ro và bằng lãi suất trái phiếu trả trước của Chính phủ 05 năm

+  $K_m$ : là phụ phí rủi ro

+  $\beta$ : Hệ số rủi ro thị trường

- $g$ : tỉ lệ tăng trưởng cổ tức
- $n$ : là số năm giả định trong mô hình tính toán theo phương pháp DDM.

Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam sử dụng phương pháp chiết khấu dòng cổ tức (DDM) để tính giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên.

Giá cổ phiếu được tính theo phương pháp như trên chỉ là cơ sở để nhà đầu tư tham khảo khi giao dịch cổ phiếu. Nhà đầu tư quan tâm có thể tính toán giá trị cổ phiếu của Công ty cổ phần Chế tác đá Việt Nam theo các phương pháp khác nhau để có quyết định phù hợp.

#### 5. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ của Công ty không quy định cụ thể giới hạn về tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài đối với cổ phần Công ty. Theo quy định tại quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ban hành ngày 14/04/2009, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài giới hạn tối đa là 49% tổng số cổ phiếu đang lưu hành trên thị trường. Hiện Công ty không có cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài sở hữu cổ phiếu.



## 6. Các loại thuế có liên quan

- Thuế GTGT: Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% đối với các loại hàng hoá, dịch vụ mà Công ty cung cấp
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Doanh nghiệp được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo Thông tư 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 của Bộ tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 24/2007/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp, điều kiện được hưởng ưu đãi : Doanh nghiệp mới thành lập từ dự án đầu tư thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn
  - + Mức thuế suất 20% áp dụng trong thời gian 10 năm đầu kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động.
  - + Miễn thuế 02 năm (năm 2008 và 2009) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 6 năm tiếp theo (từ năm 2010)
- Thuế khác: Các loại thuế khác Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

## VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

### 1. Tổ chức tư vấn

#### **Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt**

Địa chỉ : Tầng 5, 152 Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Hà Nội

Điện thoại : (084 4) 3728 0921

Fax : (084 4) 3728 0920

Website : [www.tvsi.com.vn](http://www.tvsi.com.vn)

Email : [info@tvsi.com.vn](mailto:info@tvsi.com.vn)

### 2. Tổ chức kiểm toán

#### **Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) – Chi nhánh Hà Nội**

Địa chỉ : 40 Giảng Võ, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 37367879

Fax : (84.4) 37367869

Website : [www.auditconsult.com.vn](http://www.auditconsult.com.vn)

## VII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. **Phụ lục II:** Bản sao hợp lệ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty
3. **Phụ lục III:** Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2011
4. **Phụ lục IV:** Báo cáo tài chính năm 2010 và quý III/2011



Hà Nội, ngày 6 tháng 12 năm 2011

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ GIÁM ĐỐC**



**Phạm Trí Dũng**

**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



**Lương Xuân Mẫn**



**Trần Thị Đức Hạnh**

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT ✓**



**Nguyễn Việt Cường**

